

**DANH SÁCH CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
ĐÃ HOÀN THÀNH BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ, ĐƯỢC KIỂM ĐỊNH THEO TIÊU CHUẨN TRONG NƯỚC**
(Dữ liệu cập nhật đến ngày 30/9/2023)

A. SỐ LIỆU TỔNG HỢP

I. Thông tin chung

1	Số chương trình đào tạo đã hoàn thành báo cáo tự đánh giá	1.297
2	Số chương trình đào tạo được đánh giá ngoài	1.143
3	Số chương trình đào tạo đã được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng	996

II. Số lượng các chương trình đào tạo được đánh giá và công nhận bởi các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục trong nước

TT	Tên tổ chức KDCLGD	CTĐT	
		Đánh giá	Công nhận
1	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội (VNU-CEA)	377	340
2	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh (VNU-HCM CEA)	142	130
3	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam (CEA-AVU&C)	170	155
4	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Đà Nẵng (CEA-UD)	72	57
5	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh (VU-CEA)	207	185
6	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long (CEA-THANGLONG)	77	56
7	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn (CEA-SAIGON)	98	73
	Tổng	1.143	996

B. DANH SÁCH CHI TIẾT**1. Chương trình đào tạo (CTĐT) các trình độ của giáo dục đại học (GDDH)**

STT	Tên cơ sở giáo dục	STT	Tên chương trình đào tạo	Thời gian hoàn thành báo cáo TĐG	Được đánh giá ngoài	Được công nhận	Ghi chú
1	Trường Đại học Giao thông Vận tải Hà Nội	1.	Khai thác vận tải	2016	01/2017 (VNU-CEA)	Đạt 86% (23/3/2017)	Cập nhật 30/3/2017
		2.	Kinh tế vận tải	2016	01/2017 (VNU-CEA)	Đạt 88% (23/3/2017)	Cập nhật 30/3/2017
		3.	Kinh tế xây dựng	2016	01/2017 (VNU-CEA)	Đạt 86% (23/3/2017)	Cập nhật 30/3/2017
		4.	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	2016	01/2017 (VNU-CEA)	Đạt 86% (23/3/2017)	Cập nhật 30/3/2017
		5.	Kỹ thuật xây dựng (Chương trình tiên tiến chuyên sâu xây dựng công trình giao thông)	2016	01/2017 (VNU-CEA)	Đạt 88% (23/3/2017)	Cập nhật 30/3/2017
2	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia Hà Nội	6.	Tâm lý học	2016	3/2017 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (30/9/2017)	Cập nhật 30/9/2017
		7.	Việt Nam học	2016	3/2017 (VNU-HCM CEA)	Đạt 82% (30/9/2017)	Cập nhật 30/9/2017
		8.	Quốc tế học	2018	4/2018 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (15/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		9.	Lưu trữ học	2019	01/2020 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (27/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		10.	Đô thị học	2021			Cập nhật 30/12/2021
		11.	Ngôn ngữ Nga	2021			Cập nhật 30/12/2021

		12.	Báo chí	9/2022	12/2022 (CEA- THANGLONG)	Đạt 92% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		13.	Quan hệ công chúng	9/2022	12/2022 (CEA- THANGLONG)	Đạt 92% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		14.	Khoa học quản lý	9/2022	12/2022 (CEA- THANGLONG)	Đạt 90% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		15.	Tôn giáo học	9/2022	12/2022 (CEA- THANGLONG)	Đạt 88% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		16.	Việt Nam học	9/2022	12/2022 (CEA- THANGLONG)	Đạt 88% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		17.	Quản trị khách sạn	9/2022	12/2022 (CEA- THANGLONG)	Đạt 90% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		18.	Quản trị văn phòng	9/2022	12/2022 (CEA- THANGLONG)	Đạt 88% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		19.	Đông phương học	01/2023	3/2023 (CEA- THANGLONG)	Đạt 96% (06/7/2023)	Cập nhật 31/7/2023
		20.	Ngôn ngữ học	01/2023	3/2023 (CEA- THANGLONG)	Đạt 96% (06/7/2023)	Cập nhật 31/7/2023
		21.	Triết học	01/2023	3/2023 (CEA- THANGLONG)	Đạt 96% (06/7/2023)	Cập nhật 31/7/2023
		22.	Văn học	01/2023	3/2023 (CEA- THANGLONG)	Đạt 96% (06/7/2023)	Cập nhật 31/7/2023
		23.	Quản lý thông tin	9/2023			Cập nhật 30/9/2023

		24.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	9/2023			Cập nhật 30/9/2023
		25.	Thông tin thư viện	9/2023			Cập nhật 30/9/2023
3	Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội	26.	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Toán (trình độ thạc sĩ)	8/2017	10/2017 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (31/01/2018)	Cập nhật 31/01/2018
		27.	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn ngữ văn (trình độ thạc sĩ)	7/2019	8/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (14/12/2019)	Cập nhật 31/12/2019
		28.	Sư phạm Toán học	7/2019	8/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (14/12/2019)	Cập nhật 31/12/2019
		29.	Sư phạm Ngữ văn	7/2019	8/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (14/12/2019)	Cập nhật 31/12/2019
		30.	Sư phạm Hoá học	01/2021	4/2021 (VU-CEA)	Đạt 88% (30/8/2021)	Cập nhật 31/8/2021
		31.	Sư phạm Lịch sử	01/2021	4/2021 (VU-CEA)	Đạt 88% (30/8/2021)	Cập nhật 31/8/2021
		32.	Sư phạm Sinh học	01/2021	4/2021 (VU-CEA)	Đạt 88% (30/8/2021)	Cập nhật 31/8/2021
		33.	Sư phạm Vật lý	01/2021	4/2021 (VU-CEA)	Đạt 88% (30/8/2021)	Cập nhật 31/8/2021
4	Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội	34.	Tài chính - Ngân hàng	9/2017	12/2017 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (02/7/2018)	Cập nhật 31/7/2018
		35.	Kế toán	10/2017	01/2018 (VNU-HCM CEA)	Đạt 86% (02/7/2018)	Cập nhật 31/7/2018

		36.	Kinh tế	2019	11/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (27/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		37.	Kinh tế phát triển	2020	10/2020 (CEA-UD)	Đạt 90% (07/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		38.	Kinh tế quốc tế	2022	4/2022 (VU-CEA)	Đạt 90% (29/7/2022)	Cập nhật 31/7/2022
		39.	Quản trị kinh doanh	2022	4/2022 (VU-CEA)	Đạt 90% (29/7/2022)	Cập nhật 31/7/2022
		40.	Tài chính - Ngân hàng	9/2023			Cập nhật 30/9/2023
		41.	Kế toán	9/2023			Cập nhật 30/9/2023
5	Trường Đại học Vinh	42.	Kỹ sư kỹ thuật xây dựng	11/2018	12/2018 (VNU-CEA)	Đạt 92% (04/4/2019)	Cập nhật 30/4/2019
		43.	Ngôn ngữ Anh	11/2018	12/2018 (VNU-CEA)	Đạt 90% (04/4/2019)	Cập nhật 30/4/2019
		44.	Quản trị kinh doanh	11/2018	12/2018 (VNU-CEA)	Đạt 92% (04/4/2019)	Cập nhật 30/4/2019
		45.	Sư phạm Hóa	10/2019	10/2020 (CEA-UD)	Đạt 94% (04/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		46.	Giáo dục Tiểu học	10/2019	10/2020 (CEA-UD)	Đạt 96% (04/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		47.	Luật Kinh tế	9/2020	12/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (21/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		48.	Giáo dục Mầm non	9/2020	12/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (21/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		49.	Kế toán	9/2020	12/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (21/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		50.	Sư phạm Ngữ văn	12/2020	12/2021 (CEA-UD)	Đạt 98% (22/8/2022)	Cập nhật 31/8//2022
		51.	Sư phạm Địa lý	12/2020	12/2021 (CEA-UD)	Đạt 96% (22/8/2022)	Cập nhật 31/8//2022
		52.	Công nghệ Thực phẩm	12/2020	12/2021 (CEA-UD)	Đạt 94% (22/8/2022)	Cập nhật 31/8//2022

		53.	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	12/2020	12/2021 (CEA-UD)	Đạt 94% (22/8/2022)	Cập nhật 31/8//2022
		54.	Sư phạm Tiếng Anh	10/2021	12/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (26/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		55.	Sư phạm Lịch sử	10/2021	12/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (26/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		56.	Giáo dục thể chất	10/2021	12/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (26/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		57.	Tài chính - Ngân hàng	10/2021	12/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (26/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		58.	Kinh tế Xây dựng	12/2022	4/2023 (VNU-CEA)	Đạt 96% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		59.	Kĩ sư Kỹ thuật Xây dựng Công trình giao thông	12/2022	4/2023 (VNU-CEA)	Đạt 96% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		60.	Quản lý giáo dục	12/2022	4/2023 (VNU-CEA)	Đạt 92% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		61.	Kĩ sư Nuôi trồng thủy sản	12/2022	4/2023 (VNU-CEA)	Đạt 96% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		62.	Luật	12/2022	4/2023 (VNU-CEA)	Đạt 94% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		63.	Kĩ sư Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	12/2022	4/2023 (VNU-CEA)	Đạt 94% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		64.	Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử	12/2022	4/2023 (VNU-CEA)	Đạt 94% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		65.	Quản lý tài nguyên và môi trường	6/2023			Cập nhật 30/6/2023
		66.	Công tác xã hội	6/2023			Cập nhật 30/6/2023
		67.	Sư phạm Vật lý	6/2023			Cập nhật 30/6/2023
		68.	Giáo dục Quốc phòng-An ninh	6/2023			Cập nhật 30/6/2023
6	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	69.	Sư phạm Hóa học (Chương trình chất lượng cao)	4/2018	5/2018 (VNU-CEA)	Đạt 84% (04/4/2019)	Cập nhật 30/4/2019
		70.	Giáo dục Tiểu học	4/2018	5/2019 (VNU-CEA)	Đạt 80% (04/4/2019)	Cập nhật 30/4/2019

		71.	Sư phạm Tin học	02/2021	6/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (10/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		72.	Sư phạm Sinh học	02/2021	6/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (10/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		73.	Sư phạm Tiếng Anh	02/2021	6/2021 (VNU-CEA)	Đạt 82% (10/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		74.	Giáo dục Mầm non	02/2021	6/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (10/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		75.	Giáo dục Đặc biệt	02/2021	6/2021 (VNU-CEA)	Đạt 90% (10/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		76.	Công tác xã hội	02/2021	6/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (10/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		77.	Việt Nam học	9/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		78.	Tâm lý học giáo dục	9/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 92% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		79.	Sư phạm Vật lý	9/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		80.	Sư phạm Toán học	9/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 92% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		81.	Sư phạm Ngữ văn	9/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		82.	Sư phạm Lịch sử	9/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 92% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		83.	Sư phạm Địa lý	9/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 92% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		84.	Giáo dục thể chất	9/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		85.	Giáo dục công dân	9/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
7	Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định	86.	Điều dưỡng	12/2018	01/2019 (CEA-AVU&C)	Đạt 96% (01/4/2019)	Cập nhật 30/4/2019
		87.	Hộ sinh	3/2022	6/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (18/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		88.	Điều dưỡng (trình độ thạc sĩ)	10/2022	8/2023 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 31/8/2023

8	Trường Đại học Sài Gòn	89.	Giáo dục tiểu học	9/2018	12/2018 (VNU-HCM CEA)	Đạt 86% (12/8/2019)	Cập nhật 31/8/2019
		90.	Sư phạm tiếng Anh	9/2018	03/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 80% (12/8/2019)	Cập nhật 31/8/2019
		91.	Sư phạm Lịch sử	9/2018	03/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 86% (12/8/2019)	Cập nhật 31/8/2019
		92.	Toán - ứng dụng	9/2019	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 84% (28/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		93.	Quản trị kinh doanh	9/2019	6/2020 (VNU-HCM CEA)	Đạt 84% (14/12/2020)	Cập nhật 31/01/2021
		94.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	9/2019	6/2020 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (14/12/2020)	Cập nhật 31/01/2021
		95.	Công nghệ thông tin	9/2019	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (28/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		96.	Khoa học máy tính (trình độ thạc sĩ)	9/2019	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 84% (28/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		97.	Luật	10/2020	11/2020 (VU-CEA)	Đạt 82% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		98.	Tài chính - Ngân hàng	10/2020	11/2020 (VU-CEA)	Đạt 82% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		99.	Tài chính - Ngân hàng (trình độ thạc sĩ)	10/2020	11/2020 (VU-CEA)	Đạt 80% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		100.	Quản lý Giáo dục	9/2022	4/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (03/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		101.	Sư phạm Ngữ văn	9/2022	4/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (03/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
102.	Sư phạm Địa lý	9/2022	4/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (03/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023		

		103.	Sư phạm Vật lý	9/2022	4/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (03/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		104.	Kế toán	9/2022	4/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (03/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		105.	Giáo dục Mầm non	9/2022	4/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (03/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		106.	Sư phạm Sinh học	9/2022	4/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (03/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		107.	Toán Giải tích (trình độ thạc sĩ)	9/2022	4/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (03/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		108.	Quản lý Giáo dục (trình độ thạc sĩ)	9/2022	4/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 86% (03/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		109.	Lịch sử Việt Nam (trình độ thạc sĩ)	9/2022	4/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (03/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		110.	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Toán (trình độ thạc sĩ)	9/2022	4/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (03/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		111.	Hóa hữu cơ (trình độ thạc sĩ)	9/2022	4/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 86% (03/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
9	Trường Đại học Công thương TP. Hồ Chí Minh	112.	Công nghệ sinh học	9/2018	3/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 82% (15/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		113.	Đảm bảo chất lượng và An toàn thực phẩm	9/2018	3/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (15/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019

		114.	Công nghệ Kỹ thuật Môi trường	9/2018	3/2019 (VNU-HCM CEA) 10/2019 (VNU-HCM CEA) - ĐGL	Đạt 80% (27/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		115.	Công nghệ thông tin	2019	11/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 80% (27/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		116.	Công nghệ kỹ thuật Điện - Điện tử	2019	11/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 84% (27/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		117.	Kế toán	2019	11/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (27/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		118.	Quản trị kinh doanh	2019	11/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 86% (27/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		119.	Công nghệ chế biến thủy sản	5/2020	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		120.	Tài chính - Ngân hàng	5/2020	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		121.	Công nghệ chế tạo máy	5/2020	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		122.	Kỹ thuật môi trường (trình độ thạc sĩ)	4/2021	12/2021 (VU-CEA)	Đạt 88% (24/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		123.	Công nghệ thực phẩm (trình độ thạc sĩ)	4/2021	12/2021 (VU-CEA)	Đạt 88% (24/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		124.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	4/2021	12/2021 (VU-CEA)	Đạt 84% (24/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		125.	Ngôn ngữ Anh	6/2022	7/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 90% (06/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022

		126.	Khoa học dinh dưỡng và ẩm thực	6/2022	7/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 94% (06/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		127.	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	6/2022	7/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 94% (06/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		128.	Công nghệ kĩ thuật cơ điện tử	6/2022	7/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (06/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		129.	Công nghệ dệt, may	6/2022	7/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (06/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		130.	Quản lý tài nguyên và môi trường	6/2022	7/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (06/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		131.	Công nghệ sinh học (trình độ thạc sĩ)	3/2023	4/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (30/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		132.	Tài chính - ngân hàng (trình độ thạc sĩ)	3/2023	4/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 90% (30/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		133.	Kỹ thuật cơ khí (trình độ thạc sĩ)	3/2023	4/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (30/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		134.	Kỹ thuật hóa học (trình độ thạc sĩ)	3/2023	4/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (30/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		135.	An toàn thông tin	4/2023	5/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 90% (22/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		136.	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	4/2023	5/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 90% (22/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		137.	Khoa học chế biến món ăn	4/2023	5/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 90% (22/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		138.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.	4/2023	5/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (22/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
10	Trường Đại học Y-Dược, Đại học Huế	139.	Điều dưỡng	12/2018	4/2019 (VNU-CEA)	Đạt 86% (12/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		140.	Y tế công cộng	12/2018	4/2019 (VNU-CEA)	Đạt 90% (12/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		141.	Dược học	12/2018	4/2019 (VNU-CEA)	Đạt 90% (12/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
11	Trường Đại học Đồng Tháp	142.	Sư phạm Hóa học	02/2019	4/2019 (VNU-CEA)	Đạt 92% (12/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019

	143.	Sư phạm Toán học	02/2019	4/2019 (VNU-CEA)	Đạt 92% (12/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
	144.	Giáo dục tiểu học	02/2019	4/2019 (VNU-CEA)	Đạt 92% (12/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
	145.	Sư phạm Tiếng Anh	4/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
	146.	Giáo dục Chính trị	4/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
	147.	Sư phạm Ngữ văn	4/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
	148.	Quản trị kinh doanh	4/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
	149.	Giáo dục thể chất	8/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
	150.	Khoa học môi trường	8/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
	151.	Ngôn ngữ Anh	8/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
	152.	Giáo dục Mầm non	8/2022	9/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (16/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
	153.	Khoa học máy tính	8/2022	9/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (16/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
	154.	Sư phạm Địa lý	8/2022	9/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (16/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
	155.	Sư phạm Lịch sử	8/2022	9/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (16/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
	156.	Sư phạm Vật lý	8/2022	9/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (16/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
	157.	Việt Nam học	8/2022	9/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (16/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
	158.	Giáo dục Mầm non (CTĐT CĐ)	4/2023	6/2023 (VNU-CEA)	Đạt 84% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
	159.	Kế toán	4/2023	6/2023 (VNU-CEA)	Đạt 86% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
	160.	Nông học	4/2023	6/2023 (VNU-CEA)	Đạt 88% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023

		161.	Sư phạm Âm nhạc	4/2023	6/2023 (VNU-CEA)	Đạt 84% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		162.	Sư phạm Mỹ thuật	4/2023	6/2023 (VNU-CEA)	Đạt 86% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		163.	Sư phạm Sinh học	4/2023	6/2023 (VNU-CEA)	Đạt 88% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		164.	Sư phạm Tin học	4/2023	6/2023 (VNU-CEA)	Đạt 86% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
12	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên	165.	Sư phạm Ngữ văn	01/2019	4/2019 (VNU-CEA)	Đạt 94% (14/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		166.	Sư phạm Lịch sử	01/2019	4/2019 (VNU-CEA)	Đạt 94% (14/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		167.	Giáo dục mầm non	01/2019	4/2019 (VNU-CEA)	Đạt 92% (14/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		168.	Sư phạm Sinh học	01/2019	5/2019 (VNU-CEA)	Đạt 92% (14/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		169.	Sư phạm Toán	01/2019	5/2019 (VNU-CEA)	Đạt 92% (14/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		170.	Sư phạm Hóa học	01/2019	5/2019 (VNU-CEA)	Đạt 92% (14/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		171.	Sư phạm Vật lý	01/2019	5/2019 (VNU-CEA)	Đạt 92% (14/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		172.	Giáo dục chính trị	8/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 94% (10/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		173.	Giáo dục Thể chất	8/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 94% (10/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		174.	Giáo dục Tiểu học	8/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 94% (10/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		175.	Sư phạm Địa lý	8/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 92% (10/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		176.	Sư phạm tiếng Anh	8/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (10/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		177.	Sư phạm Tâm lý	8/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (10/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		178.	Sư phạm Tin học	8/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 92% (10/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023

		179.	Hóa vô cơ (trình độ thạc sĩ)	9/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (10/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		180.	Di truyền học (trình độ thạc sĩ)	9/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (10/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		181.	Văn học Việt Nam (trình độ thạc sĩ)	9/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (10/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		182.	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Vật lý (trình độ thạc sĩ)	9/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (10/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
13	Trường Đại học Thủy lợi	183.	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	11/2018	5/2019 (VNU-CEA)	Đạt 88% (12/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		184.	Quản lý xây dựng	11/2018	5/2019 (VNU-CEA)	Đạt 86% (12/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		185.	Kế toán	11/2018	5/2018 (VNU-CEA)	Đạt 88% (12/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		186.	Kinh tế	12/2019	12/2019 (VNU-CEA)	Đạt 90% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		187.	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	12/2019	12/2019 (VNU-CEA)	Đạt 90% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		188.	Kỹ thuật xây dựng	12/2019	12/2019 (VNU-CEA)	Đạt 90% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		189.	Quản trị kinh doanh	12/2019	12/2019 (VNU-CEA)	Đạt 90% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		190.	Kỹ thuật Môi trường	4/2021	5/2021 (VNU-CEA)	Đạt 90% (09/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		191.	Kỹ thuật Xây dựng công trình giao thông	4/2021	5/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (09/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		192.	Kỹ thuật Tài nguyên nước	4/2021	5/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (09/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		193.	Kỹ thuật Cơ khí	4/2021	5/2021 (VNU-CEA)	Đạt 90% (09/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		194.	Công nghệ thông tin	4/2021	5/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (09/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
14	Trường Quốc tế- Đại học Quốc gia Hà Nội	195.	Kinh doanh quốc tế	10/2018	5/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (07/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019

		196.	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán	4/2021	7/2022 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/7/2022
15	Trường Đại học Nguyễn Tất Thành	197.	Quản trị khách sạn	3/2019	5/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (07/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		198.	Công nghệ kỹ thuật Điện- Điện tử	3/2019	5/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (07/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		199.	Dược học	9/2019	12/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (18/5/2020)	Cập nhật 31/5/2020
		200.	Quản trị Nhà hàng và dịch vụ ăn uống	10/2020	12/2021 (VU-CEA)	Đạt 94% (05/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		201.	Kỹ thuật Xây dựng	10/2020	12/2021 (VU-CEA)	Đạt 88% (05/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		202.	Luật Kinh tế	10/2020	12/2021 (VU-CEA)	Đạt 92% (05/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		203.	Ngôn ngữ Trung Quốc	10/2020	12/2021 (VU-CEA)	Đạt 90% (05/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		204.	Kiến trúc	4/2021	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (14/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		205.	Công nghệ thông tin (trình độ thạc sĩ)	4/2021	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (14/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		206.	Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử	10/2021	9/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (27/01/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		207.	Việt Nam học	10/2021	9/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 98% (27/01/2023)	Cập nhật 28/02/2023

		208.	Điều dưỡng	3/2022	9/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (27/01/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		209.	Quản trị nhân lực	8/2022	10/2022 (CEA- THANGLONG)	Đạt 90% (16/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		210.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	8/2022	10/2022 (CEA- THANGLONG)	Đạt 92% (16/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		211.	Tài chính ngân hàng (trình độ thạc sĩ)	8/2022	10/2022 (CEA- THANGLONG)	Đạt 86% (16/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		212.	Du lịch (trình độ thạc sĩ)	8/2022	10/2022 (CEA- THANGLONG)	Đạt 90% (16/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		213.	Đông phương học	8/2023	9/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 30/9/2023
		214.	Quản lý tài nguyên và môi trường	8/2023	9/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 30/9/2023
		215.	Thiết kế nội thất	8/2023	9/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 30/9/2023
		216.	Thanh nhạc	8/2023	9/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 30/9/2023
		217.	Y học dự phòng	8/2023	9/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 30/9/2023
16	Trường Đại học Nam Cần Thơ	218.	Quản trị kinh doanh	4/2019	7/2019 (VNU-CEA)	Đạt 86% (12/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		219.	Dược học	4/2019	7/2019 (VNU-CEA)	Đạt 84% (12/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		220.	Luật Kinh tế	4/2019	7/2019 (VNU-CEA)	Đạt 86% (12/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019

		221.	Kỹ thuật xây dựng	4/2019	7/2019 (VNU-CEA)	Đạt 82% (12/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		222.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	10/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		223.	Công nghệ thông tin	4/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		224.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	4/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		225.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	4/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		226.	Công nghệ thực phẩm	9/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 92% (05/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		227.	Luật	9/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (05/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		228.	Kỹ thuật hình ảnh y học	9/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (05/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		229.	Xét nghiệm y học	9/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (05/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
17	Trường Đại học Mỏ - Địa chất	230.	Kế toán	5/2019	7/2019 (VNU-CEA)	Đạt 86% (14/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		231.	Quản trị kinh doanh	5/2019	7/2019 (VNU-CEA)	Đạt 90% (14/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		232.	Kỹ thuật địa chất	5/2019	7/2019 (VNU-CEA)	Đạt 90% (14/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		233.	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	5/2019	7/2019 (VNU-CEA)	Đạt 86% (14/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		234.	Công nghệ thông tin	7/2020	9/2020 (VU-CEA)	Đạt 90% (15/12/2020)	Cập nhật 31/12/2020
		235.	Kỹ thuật Dầu khí	7/2020	9/2020 (VU-CEA)	Đạt 92% (15/12/2020)	Cập nhật 31/12/2020
		236.	Kỹ thuật Mỏ	7/2020	9/2020 (VU-CEA)	Đạt 92% (15/12/2020)	Cập nhật 31/12/2020
		237.	Kỹ thuật Môi trường	7/2020	9/2020 (VU-CEA)	Đạt 88% (15/12/2020)	Cập nhật 31/12/2020
		238.	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	7/2020	9/2020 (VU-CEA)	Đạt 92% (15/12/2020)	Cập nhật 31/12/2020

		239.	Kỹ thuật Tuyển khoáng	7/2020	9/2020 (VU-CEA)	Đạt 92% (15/12/2020)	Cập nhật 31/12/2020
		240.	Kỹ thuật Xây dựng	7/2020	9/2020 (VU-CEA)	Đạt 88% (15/12/2020)	Cập nhật 31/12/2020
		241.	Kỹ thuật điện	3/2022	10/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (17/3/2023)	Cập nhật 31/3/2022
		242.	Kỹ thuật cơ khí	3/2022	10/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (17/3/2023)	Cập nhật 31/3/2022
		243.	Quản lý đất đai	3/2022	10/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (17/3/2023)	Cập nhật 31/3/2022
18	Trường Đại học Y Dược - ĐH Quốc gia Hà Nội	244.	Dược học	01/2019	7/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 86% (14/12/2019)	Cập nhật 31/12/2019
		245.	Y khoa	02/2020	5/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 82% (08/10/2020)	Cập nhật 31/10/2020
19	Trường Đại học Tài chính - Marketing	246.	Tài chính - Ngân hàng (trình độ thạc sĩ)	02/2019	7/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (16/12/2019)	Cập nhật 31/12/2019
		247.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	02/2019	8/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (16/12/2019)	Cập nhật 31/12/2019
		248.	Quản trị Marketing (Chương trình đào tạo chất lượng cao)	02/2019	8/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (16/12/2019)	Cập nhật 31/12/2019
		249.	Quản trị kinh doanh tổng hợp (Chương trình đào tạo chất lượng cao)	02/2019	8/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (16/12/2019)	Cập nhật 31/12/2019
		250.	Ngân hàng (Chương trình đào tạo chất lượng cao)	02/2019	7/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 98% (16/12/2019)	Cập nhật 31/12/2019
		251.	Tài chính - Ngân hàng	01/2021	12/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (20/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		252.	Marketing	01/2021	12/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (20/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022

		253.	Quản trị kinh doanh	01/2021	12/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (20/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		254.	Kinh doanh Quốc tế	01/2021	12/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (20/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		255.	Bất động sản	01/2021	12/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (20/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		256.	Ngôn ngữ Anh	01/2021	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		257.	Hệ thống thông tin quản lý	01/2021	12/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 86% (20/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		258.	Kế toán	01/2021	12/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (20/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		259.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	01/2021	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		260.	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	01/2021	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		261.	Quản trị khách sạn	01/2021	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		262.	Kế toán (CTĐT chất lượng cao)	5/2023	7/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (22/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		263.	Kinh doanh quốc tế (CTĐT chất lượng cao);	5/2023	7/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (22/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		264.	Tài chính - Ngân hàng (CTĐT chất lượng cao);	5/2023	7/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (22/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		265.	Kinh doanh quốc tế (Chương trình Tiếng Anh toàn phần chất lượng cao)	5/2023	7/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (22/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023

		266.	Marketing (Chương trình Tiếng Anh toàn phần chất lượng cao)	5/2023	7/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (22/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		267.	Quản trị kinh doanh (Chương trình Tiếng Anh toàn phần chất lượng cao)	5/2023	7/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (22/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
20	Trường Đại học Y Dược - Đại học Thái Nguyên	268.	Bác sỹ chuyên khoa I	7/2019	8/2019 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 31/8/2019
		269.	Y học Dự phòng (trình độ thạc sĩ)	7/2019	8/2019 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (24/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		270.	Bác sỹ Răng Hàm Mặt	7/2019	8/2019 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (24/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
21	Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai	271.	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	6/2019	9/2019 (VNU-CEA)	Đạt 86% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		272.	Công nghệ thực phẩm	6/2019	9/2019 (VNU-CEA)	Đạt 86% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		273.	Công nghệ thông tin	7/2020	10/2020 (VU-CEA)	Đạt 88% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		274.	Kế toán	7/2020	10/2020 (VU-CEA)	Đạt 86% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		275.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7/2020	10/2020 (VU-CEA)	Đạt 86% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		276.	Công nghệ Chế tạo máy	10/2020	12/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (11/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		277.	Ngôn ngữ Anh	10/2020	12/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (11/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		278.	Tài chính - Ngân hàng	10/2020	12/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (14/12/2021)	Cập nhật 31/12/2021
		279.	Quản lý kinh tế (trình độ thạc sĩ)	6/2022	8/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		280.	Quản trị kinh doanh	6/2022	8/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		281.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	6/2022	8/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
22	Trường Đại học Hà Nội	282.	Công nghệ thông tin	6/2019	9/2019 (VNU-CEA)	Đạt 88% (23/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020

		283.	Ngôn ngữ Nhật	6/2019	9/2019 (VNU-CEA)	Đạt 90% (23/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		284.	Ngôn ngữ Trung Quốc	6/2019	9/2019 (VNU-CEA)	Đạt 90% (23/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		285.	Ngôn ngữ Anh	10/2020	12/2020 (VU-CEA)	Đạt 90% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		286.	Ngôn ngữ Đức	10/2020	12/2020 (VU-CEA)	Đạt 88% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		287.	Ngôn ngữ Pháp	10/2020	12/2020 (VU-CEA)	Đạt 88% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		288.	Quản trị kinh doanh	10/2020	12/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (17/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		289.	Tài chính - Ngân hàng	10/2020	12/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (17/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		290.	Kế toán	10/2021	12/2021 (VU-CEA)	Đạt 86% (04/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		291.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	10/2021	12/2021 (VU-CEA)	Đạt 86% (04/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
23	Trường Đại học Nha Trang	292.	Công nghệ chế biến thủy sản	02/2019	9/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (27/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		293.	Kỹ thuật tàu thủy	02/2019	9/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (27/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		294.	Công nghệ sinh học	02/2021	01/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (16/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		295.	Nuôi trồng thủy sản	02/2021	01/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (16/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		296.	Công nghệ thông tin	8/2022	10/2022 (CEA- THANGLONG)	Đạt 90% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		297.	Kế toán	8/2022	10/2022 (CEA- THANGLONG)	Đạt 90% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023

		298.	Quản trị khách sạn	8/2022	10/2022 (CEA- THANGLONG)	Đạt 90% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		299.	Quản trị kinh doanh	8/2022	10/2022 (CEA- THANGLONG)	Đạt 92% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		300.	Quản lý thủy sản	9/2023			Cập nhật 30/9/2023
		301.	Công nghệ thực phẩm	9/2023			Cập nhật 30/9/2023
		302.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	9/2023			Cập nhật 30/9/2023
24	Trường Đại học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh	303.	Kế toán	7/2019	9/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (16/12/2019)	Cập nhật 31/12/2019
		304.	Công nghệ Thông tin	7/2019	9/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (16/12/2019)	Cập nhật 31/12/2019
		305.	Kỹ thuật điện	10/2019	11/2019 (CEA-AVU&C)	Đạt 82% (24/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		306.	Quản trị kinh doanh	10/2019	11/2019 (CEA-AVU&C)	Đạt 82% (24/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		307.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	8/2020	10/2020 (VU-CEA)	Đạt 88% (28/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		308.	Kỹ thuật cơ khí	8/2020	10/2020 (VU-CEA)	Đạt 94% (28/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		309.	Luật kinh tế	8/2020	10/2020 (VU-CEA)	Đạt 90% (28/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		310.	Kỹ thuật xây dựng	10/2020	12/2020 (VU-CEA)	Đạt 88% (28/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		311.	Thiết kế thời trang	10/2020	12/2020 (VU-CEA)	Đạt 90% (28/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		312.	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	10/2020	3/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022

		313.	Công nghệ sinh học	10/2020	3/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		314.	Tài chính - Ngân hàng	10/2020	3/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		315.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	10/2020	12/2020 (VU-CEA)	Đạt 88% (28/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		316.	Dược học	4/2021			Cập nhật 30/4/2021
		317.	Ngôn ngữ Nhật	4/2021			Cập nhật 30/4/2021
		318.	Tâm lý học	4/2021	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		319.	Marketing	4/2021	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		320.	Kiến trúc	4/2021	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		321.	Kế toán (trình độ thạc sĩ)	9/2022	11/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		322.	Công nghệ Thông tin (trình độ thạc sĩ)	9/2022	11/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		323.	Kỹ thuật điện (trình độ thạc sĩ)	9/2022	11/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		324.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	9/2022	11/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		325.	An toàn thông tin	4/2023	8/2023 VNU-HCM CEA		Cập nhật 31/8/2023
		326.	Quản trị khách sạn	4/2023	8/2023 VNU-HCM CEA		Cập nhật 31/8/2023

		327.	Thiết kế đồ họa	4/2023	8/2023 VNU-HCM CEA		Cập nhật 31/8/2023
		328.	Thú y	4/2023	8/2023 VNU-HCM CEA		Cập nhật 31/8/2023
25	Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP. Hồ Chí Minh	329.	Tài chính - Ngân hàng	10/2019	12/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (27/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		330.	Quản trị kinh doanh	3/2020	10/2020 (VU-CEA)	Đạt 92% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		331.	Ngôn ngữ Anh	3/2020	10/2020 (VU-CEA)	Đạt 88% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		332.	Luật kinh tế	12/2020	3/2021 (VU-CEA)	Đạt 90% (26/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		333.	Kế toán	12/2020	3/2021 (VU-CEA)	Đạt 90% (26/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		334.	Marketing	12/2020	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		335.	Công nghệ thông tin	12/2020	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		336.	Kinh doanh quốc tế	10/2021	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 92% (24/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		337.	Quan hệ công chúng	10/2021	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 94% (24/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		338.	Quản trị khách sạn	10/2021	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 90% (24/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022

		339.	Quản trị nhân lực	10/2021	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 90% (24/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		340.	Luật quốc tế	7/2022	9/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (03/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		341.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7/2022	9/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (03/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		342.	Thương mại điện tử	7/2022	9/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (03/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		343.	Quan hệ Quốc tế	10/2022	12/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (17/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		344.	Ngôn ngữ Nhật	10/2022	12/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (17/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		345.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	11/2022	12/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (17/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
26	Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	346.	Công nghệ kỹ thuật Môi trường	29/01/2019	10/2019 (VNU-CEA)	Đạt 84% (27/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		347.	Biến đổi khí hậu và Phát triển bền vững	29/01/2019			Cập nhật 31/01/2019
		348.	Công nghệ Thông tin	29/01/2019	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 84% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		349.	Khí tượng Thủy văn học	29/01/2019	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		350.	Kế toán	29/01/2019	10/2019 (VNU-CEA)	Đạt 80% (27/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		351.	Kỹ thuật địa chất	29/01/2019			Cập nhật 31/01/2019
		352.	Quản lý đất đai	29/01/2019	10/2019 (VNU-CEA)	Đạt 82% (27/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020

		353.	Quản lý biển	29/01/2019			Cập nhật 31/01/2019
		354.	Quản lý tài nguyên và môi trường	01/2021	01/2021 (VNU-CEA)	Đạt 90% (05/4/2021)	Cập nhật 31/01/2021
		355.	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	01/2021	01/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (05/4/2021)	Cập nhật 31/01/2021
		356.	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	01/2021	01/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (05/4/2021)	Cập nhật 31/01/2021
		357.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	01/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 82% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		358.	Biến đổi khí hậu và Phát triển bền vững	9/2023			Cập nhật 30/9/2023
		359.	Khí tượng và khí hậu học	9/2023			Cập nhật 30/9/2023
		360.	Kỹ thuật địa chất	9/2023			Cập nhật 30/9/2023
		361.	Quản lý biển	9/2023			Cập nhật 30/9/2023
		362.	Quản lý tài nguyên nước	9/2023			Cập nhật 30/9/2023
		363.	Quản trị kinh doanh	9/2023			Cập nhật 30/9/2023
		364.	Khoa học môi trường (trình độ thạc sĩ)	9/2023			Cập nhật 30/9/2023
		27	Trường Đại học Thủ Dầu Một	365.	Sư phạm Ngữ văn	28/8/2019	10/2019 (VNU-CEA)
366.	Sư phạm Lịch sử			28/8/2019	10/2019 (VNU-CEA)	Đạt 90% (30/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
367.	Giáo dục Tiểu học			28/8/2019	10/2019 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
368.	Giáo dục Mầm non			28/8/2019	10/2019 (VNU-CEA)	Đạt 86% (30/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
369.	Giáo dục học			9/2020	11/2020 (VU-CEA)	Đạt 90% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021

		370.	Quản lý Tài nguyên - Môi trường	9/2020	11/2020 (VU-CEA)	Đạt 92% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		371.	Luật	9/2020	11/2020 (VU-CEA)	Đạt 86% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		372.	Ngôn ngữ Anh	9/2020	11/2020 (VU-CEA)	Đạt 90% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		373.	Công tác xã hội	10/2020	01/2021 (VU-CEA)	Đạt 90% (28/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		374.	Kiến trúc	10/2020	01/2021 (VU-CEA)	Đạt 84% (28/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		375.	Kỹ thuật xây dựng	10/2020	01/2021 (VU-CEA)	Đạt 88% (28/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		376.	Quản lý nhà nước	5/2021	3/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (01/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		377.	Quản lý công nghiệp	5/2021	3/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (01/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		378.	Ngôn ngữ Trung Quốc	5/2021	3/2022 (VU-CEA)	Đạt 84% (01/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		379.	Quản lý đất đai	5/2021	3/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (01/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		380.	Ngôn ngữ Anh (trình độ thạc sĩ)	11/2021	02/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (01/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		381.	Văn học Việt Nam (trình độ thạc sĩ)	11/2021	02/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (01/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		382.	Công tác xã hội (trình độ thạc sĩ)	11/2021	02/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (01/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		383.	Quản lý giáo dục (trình độ thạc sĩ)	11/2021	02/2022 (VU-CEA)	Đạt 84% (01/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		384.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	11/2021	02/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (01/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		385.	Hệ thống thông tin	8/2022			Cập nhật 31/8/2022
		386.	Khoa học môi trường	8/2022			Cập nhật 31/8/2022
		387.	Kế toán	8/2022			Cập nhật 31/8/2022

28	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp	388.	Kế toán	9/2019	10/2019 (CEA-AVU&C)	Đạt 96% (06/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		389.	Quản trị kinh doanh	9/2019	10/2019 (CEA-AVU&C)	Đạt 96% (06/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		390.	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	9/2019	10/2019 (CEA-AVU&C)	Đạt 92% (06/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		391.	Tài chính - Ngân hàng	11/2019	01/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 96% (24/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		392.	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	11/2019	01/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 92% (24/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		393.	Công nghệ Thực phẩm	11/2019	01/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 96% (24/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		394.	Công nghệ Dệt, may	03/2020	01/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 94% (08/10/2020)	Cập nhật 31/10/2020
		395.	Công nghệ Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông	03/2020	01/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 94% (08/10/2020)	Cập nhật 31/10/2020
		396.	Công nghệ thông tin	03/2020	01/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 94% (08/10/2020)	Cập nhật 31/10/2020
		397.	Kinh doanh thương mại	10/2021	12/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 92% (26/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		398.	Công nghệ kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	10/2021	12/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (26/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		399.	Ngôn ngữ Anh	6/2023	9/2023 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 30/9/2023
		400.	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	6/2023	9/2023 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 30/9/2023
		401.	Công nghệ Kỹ thuật cơ điện tử	6/2023	9/2023 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 30/9/2023
		402.	Công nghệ Sợi, dệt	6/2023	9/2023 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 30/9/2023
		403.	Công nghệ Thực phẩm (trình độ thạc sĩ)	6/2023	9/2023 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 30/9/2023

29	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế	404.	Sư phạm Hóa học	9/2019	11/2019 (VNU-CEA)	Đạt 88% (03/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020		
		405.	Sư phạm Ngữ văn	9/2019	11/2019 (VNU-CEA)	Đạt 88% (03/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020		
		406.	Sư phạm Địa lý	9/2019	11/2019 (VNU-CEA)	Đạt 88% (03/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020		
		407.	Giáo dục Tiểu học	11/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 94% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022		
		408.	Giáo dục Chính trị	11/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 92% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022		
		409.	Giáo dục mầm non	11/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 94% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022		
		410.	Sư phạm Lịch sử	8/2023	9/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 30/9/2023		
		411.	Sư phạm Sinh học	8/2023	9/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 30/9/2023		
		412.	Sư phạm Tin học	8/2023	9/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 30/9/2023		
		413.	Sư phạm Vật lý	8/2023	9/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 30/9/2023		
		414.	Tâm lý Giáo dục	8/2023	9/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 30/9/2023		
		30	Trường Đại học Tây Đô	415.	Quản trị Kinh doanh	10/2019	12/2019 (VNU-CEA)	Đạt 82% (23/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
				416.	Kế toán tổng hợp	10/2019	12/2019 (VNU-CEA)	Đạt 82% (23/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
				417.	Tài chính - Ngân hàng	10/2019	12/2019 (VNU-CEA)	Đạt 84% (23/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
418.	Dược học			10/2019	12/2019 (VNU-CEA)	Đạt 84% (23/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020		
419.	Luật Kinh tế			12/2020	01/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (05/4/2021)	Cập nhật 30/4/2021		
420.	Quản trị Dịch vụ Du lịch Lữ hành			12/2020	01/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (05/4/2021)	Cập nhật 30/4/2021		
421.	Ngôn ngữ Anh			12/2020	01/2021 (VNU-CEA)	Đạt 82% (05/4/2021)	Cập nhật 30/4/2021		

		422.	Quản trị Kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	12/2020	01/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (05/4/2021)	Cập nhật 30/4/2021
		423.	Dược lý - Dược lâm sàng (trình độ thạc sĩ)	4/2022	6/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		424.	Điều dưỡng	4/2022	6/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		425.	Công nghệ thông tin	4/2022	6/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		426.	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	4/2022	6/2022 (VNU-CEA)	Đạt 82% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
31	Trường Đại học Thương mại	427.	Kế toán	2019	01/2020 (VNU-CEA)	Đạt 90% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		428.	Marketing	2019	01/2020 (VNU-CEA)	Đạt 88% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		429.	Tài chính - Ngân hàng	2019	01/2020 (VNU-CEA)	Đạt 88% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		430.	Kế toán (Chương trình chất lượng cao)	2019	01/2020 (VNU-CEA)	Đạt 90% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		431.	Tài chính - Ngân hàng (Chương trình chất lượng cao)	2019	01/2020 (VNU-CEA)	Đạt 90% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		432.	Kinh tế	10/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		433.	Luật kinh tế	10/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		434.	Thương mại điện tử	10/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		435.	Hệ thống thông tin quản lý	10/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		436.	Quản trị nhân lực	10/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		437.	Quản trị kinh doanh	4/2022	6/2022 (VNU-CEA)	Đạt 96% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		438.	Quản trị khách sạn	4/2022	6/2022 (VNU-CEA)	Đạt 94% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022

		439.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	4/2022	6/2022 (VNU-CEA)	Đạt 94% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		440.	Kinh doanh quốc tế	4/2022	6/2022 (VNU-CEA)	Đạt 94% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		441.	Kinh tế quốc tế	4/2022	6/2022 (VNU-CEA)	Đạt 96% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		442.	Ngôn ngữ Anh	4/2022	6/2022 (VNU-CEA)	Đạt 92% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
32	Trường Đại học Quốc tế - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	443.	Quản lý công (trình độ thạc sĩ)	12/2019	6/2020 (VNU-CEA)	Đạt 80% 17/8/2020	Cập nhật 31/8/2020
		444.	Công nghệ thực phẩm	9/2022	11/2022 (VNU-CEA)	Đạt 94% (09/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
33	Trường Đại học Ngoại thương	445.	Kinh doanh quốc tế	2019	01/2020 (VNU-CEA)	Đạt 88% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		446.	Kinh tế và phát triển quốc tế	2019	01/2020 (VNU-CEA)	Đạt 88% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		447.	Phân tích và Đầu tư tài chính	2019	01/2020 (VNU-CEA)	Đạt 86% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		448.	Luật Thương mại quốc tế	2019	01/2020 (VNU-CEA)	Đạt 86% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		449.	Ngôn ngữ Anh (Tiếng Anh thương mại)	3/2021	4/2021 (VNU-CEA)	Đạt 84% (14/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		450.	Ngôn ngữ Pháp (Tiếng Pháp thương mại)	3/2021	4/2021 (VNU-CEA)	Đạt 84% (14/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		451.	Ngôn ngữ Nhật (Tiếng Nhật thương mại)	3/2021	4/2021 (VNU-CEA)	Đạt 82% (14/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		452.	Ngôn ngữ Trung (Tiếng Trung thương mại)	3/2021	4/2021 (VNU-CEA)	Đạt 84% (14/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		453.	Kinh tế đối ngoại	01/2023	02/2023 (VNU-CEA)	Đạt 94% (22/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		454.	Ngân hàng	01/2023	02/2023 (VNU-CEA)	Đạt 94% (22/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		455.	Tài chính quốc tế	01/2023	02/2023 (VNU-CEA)	Đạt 94% (22/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023

		456.	Thương mại quốc tế	01/2023	02/2023 (VNU-CEA)	Đạt 94% (22/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
34	Trường Đại học Hùng Vương (Phú Thọ)	457.	Công nghệ thông tin	2019	01/2020 (VNU-CEA)	Đạt 80% (27/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		458.	Kế toán	2019	01/2020 (VNU-CEA)	Đạt 82% (27/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		459.	Giáo dục Tiểu học	2019	01/2020 (VNU-CEA)	Đạt 80% (27/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		460.	Thạc sĩ Quản lý kinh tế	10/2021	10/2021 (VNU-CEA)	Đạt 82% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		461.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	10/2021	10/2021 (VNU-CEA)	Đạt 80% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		462.	Giáo dục mầm non	10/2021	10/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		463.	Thú Y	10/2021	10/2021 (VNU-CEA)	Đạt 84% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		35	Trường Đại học Quy Nhơn	464.	Sư phạm Toán học	2019	01/2020 (CEA-UD)
465.	Sư phạm Hóa học			2019	01/2020 (CEA-UD)	Đạt 82% (02/7/2020)	Cập nhật 31/7/2020
466.	Kỹ thuật điện			2019	01/2020 (CEA-UD)	Đạt 84% (02/7/2020)	Cập nhật 31/7/2020
467.	Giáo dục Tiểu học			11/2020	12/2020 (CEA-UD)	Đạt 90% (24/4/2021)	Cập nhật 30/4/2021
468.	Giáo dục Mầm non			11/2020	12/2020 (CEA-UD)	Đạt 90% (24/4/2021)	Cập nhật 30/4/2021
469.	Kế toán			11/2020	12/2020 (CEA-UD)	Đạt 94% (24/4/2021)	Cập nhật 30/4/2021
470.	Tài chính - Ngân hàng			11/2020	12/2020 (CEA-UD)	Đạt 92% (24/4/2021)	Cập nhật 30/4/2021
471.	Công nghệ thông tin			11/2020	12/2020 (CEA-UD)	Đạt 90% (24/4/2021)	Cập nhật 30/4/2021
472.	Ngôn ngữ Anh			11/2020	12/2020 (CEA-UD)	Đạt 90% (24/4/2021)	Cập nhật 30/4/2021

		473.	Quản lý Nhà nước	11/2020	12/2020 (CEA-UD)	Đạt 94% (24/4/2021)	Cập nhật 30/4/2021
		474.	Giáo dục Thể chất	11/2020	12/2020 (CEA-UD)	Đạt 92% (24/4/2021)	Cập nhật 30/4/2021
		475.	Công tác xã hội	11/2020	12/2020 (CEA-UD)	Đạt 94% (24/4/2021)	Cập nhật 30/4/2021
		476.	Vật lý chất rắn (trình độ thạc sĩ)	3/2022	9/2022 (CEA-UD)	Đạt 90% (06/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		477.	Kế toán (trình độ thạc sĩ)	3/2022	9/2022 (CEA-UD)	Đạt 90% (06/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		478.	Khoa học Dữ liệu (trình độ thạc sĩ)	7/2023			Cập nhật 31/7/2023
		479.	Sư phạm Ngữ văn	7/2023			Cập nhật 31/7/2023
		480.	Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông	7/2023			Cập nhật 31/7/2023
		481.	Quản trị khách sạn	7/2023			Cập nhật 31/7/2023
		482.	Nông học	7/2023			Cập nhật 31/7/2023
36	Trường Đại học Lâm nghiệp	483.	Quản trị kinh doanh	2019	10/2019 (VNU-CEA)	Đạt 86% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		484.	Quản lý tài nguyên rừng	2019	10/2019 (VNU-CEA)	Đạt 94% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		485.	Quản lý đất đai	2019	10/2019 (VNU-CEA)	Đạt 86% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		486.	Công nghệ sinh học	11/2020	3/2021 (VU-CEA)	Đạt 90% (30/8/2021)	Cập nhật 31/8/2021
		487.	Công nghệ chế biến lâm sản	11/2020	3/2021 (VU-CEA)	Đạt 90% (30/8/2021)	Cập nhật 31/8/2021
		488.	Kỹ thuật xây dựng	11/2020	3/2021 (VU-CEA)	Đạt 88% (30/8/2021)	Cập nhật 31/8/2021
		489.	Lâm sinh	11/2020	3/2021 (VU-CEA)	Đạt 88% (30/8/2021)	Cập nhật 31/8/2021

		490.	Kế toán	8/2022	02/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 90% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		491.	Thiết kế nội thất	8/2022	02/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 90% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		492.	Quản lý kinh tế (trình độ thạc sĩ)	8/2022	02/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 88% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		493.	Quản lý tài nguyên rừng (trình độ thạc sĩ)	8/2022	02/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 88% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
37	Học viện Chính sách và Phát triển	494.	Kinh tế	3/2020	6/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (08/10/2020)	Cập nhật 31/10/2020
		495.	Kinh tế Quốc tế	3/2020	6/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (08/10/2020)	Cập nhật 31/10/2020
		496.	Quản trị kinh doanh	3/2020	6/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (08/10/2020)	Cập nhật 31/10/2020
		497.	Tài chính - Ngân hàng	02/2023	3/2023 (VNU-CEA)	Đạt 84% (22/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		498.	Quản lý nhà nước	02/2023	3/2023 (VNU-CEA)	Đạt 86% (22/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
38	Trường Đại học Hòa Bình	499.	Công nghệ Thông tin	7/2020	8/2020 (VU-CEA)	Đạt 82% (15/12/2020)	Cập nhật 31/12/2020
		500.	Tài chính - Ngân hàng	7/2020	8/2020 (VU-CEA)	Đạt 82% (15/12/2020)	Cập nhật 31/12/2020
		501.	Thiết kế đồ họa	7/2020	8/2020 (VU-CEA)	Đạt 84% (15/12/2020)	Cập nhật 31/12/2020
		502.	Quan hệ công chúng	5/2022	11/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		503.	Kế toán	5/2022	11/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		504.	Quản trị Kinh doanh	5/2022	11/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		505.	Quản lý kinh tế (trình độ thạc sĩ)	5/2022	11/2022 (VU-CEA)	Đạt 84% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023

39	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	506.	Kinh tế học	3/2020	4/2021 (VU-CEA)	Đạt 84% (30/8/2021)	Cập nhật 31/8/2021
		507.	Quản trị Khách sạn	3/2020	12/2021 (VU-CEA)	Đạt 84% (06/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		508.	Kinh doanh quốc tế	3/2020	4/2021 (VU-CEA)	Đạt 84% (30/8/2021)	Cập nhật 31/8/2021
		509.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	3/2020	12/2021 (VU-CEA)	Đạt 84% (06/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		510.	Marketing	3/2020	12/2021 (VU-CEA)	Đạt 90% (06/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		511.	Quản trị công và Chính sách bằng tiếng Anh	3/2020	4/2021 (VU-CEA)	Đạt 90% (30/8/2021)	Cập nhật 31/8/2021
		512.	Kinh tế phát triển	12/2021	3/2021 (CEA- THANGLONG)	Đạt 90% (17/9/2022)	Cập nhật 30/9/2022
		513.	Kinh tế đầu tư	12/2021	3/2021 (CEA- THANGLONG)	Đạt 88% (17/9/2022)	Cập nhật 30/9/2022
		514.	Quản trị nhân lực	12/2021	3/2021 (CEA- THANGLONG)	Đạt 90% (17/9/2022)	Cập nhật 30/9/2022
		515.	Kinh tế và Quản lý đô thị	12/2021	3/2021 (CEA- THANGLONG)	Đạt 88% (17/9/2022)	Cập nhật 30/9/2022
		516.	Hệ thống thông tin quản lý học	12/2021	3/2021 (CEA- THANGLONG)	Đạt 82% (17/9/2022)	Cập nhật 30/9/2022
		517.	Bảo hiểm	12/2022	02/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 92% (06/7/2023)	Cập nhật 31/7/2023
		518.	Kinh tế nông nghiệp	12/2022	02/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (06/7/2023)	Cập nhật 31/7/2023
		519.	Thống kê kinh tế	12/2022	02/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (06/7/2023)	Cập nhật 31/7/2023
		520.	Ngôn ngữ Anh	12/2022	02/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (06/7/2023)	Cập nhật 31/7/2023

		521.	Luật	12/2022	02/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (06/7/2023)	Cập nhật 31/7/2023
40	Trường Đại học Giao thông Vận tải TP. Hồ Chí Minh	522.	Công nghệ thông tin	6/2020	12/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (19/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		523.	Quản trị logistic & Vận tải đa phương thức	6/2020	12/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (19/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		524.	Kinh tế vận tải	7/2022	11/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (31/3/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		525.	Kinh tế xây dựng	7/2022	11/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (31/3/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		526.	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	7/2022	11/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (31/3/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		527.	Kỹ thuật xây dựng	4/2023			Cập nhật 30/4/2023
		528.	Kỹ thuật điện	4/2023			Cập nhật 30/4/2023
		529.	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	4/2023			Cập nhật 30/4/2023
		530.	Kỹ thuật cơ khí	8/2023			Cập nhật 31/8/2023
		531.	Kỹ thuật ô tô	8/2023			Cập nhật 31/8/2023
		41	Trường Đại học Văn Lang	532.	Kế toán	7/2020	9/2020 (CEA-AVU&C)
533.	Quản trị Khách sạn			7/2020	9/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (20/11/2020)	Cập nhật 30/11/2020
534.	Ngôn ngữ Anh			7/2020	9/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (20/11/2020)	Cập nhật 30/11/2020

		535.	Kỹ thuật công trình xây dựng	11/2020	3/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (15/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		536.	Tài chính - Ngân hàng	11/2020	3/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (15/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		537.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	11/2020	3/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (15/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		538.	Kỹ thuật Nhiệt	3/2021			Cập nhật 31/3/2021
		539.	Kinh doanh Thương mại	3/2021	01/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (23/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		540.	Kiến trúc	3/2021	01/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (23/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		541.	Công nghệ Sinh học	3/2021	01/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (23/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		542.	Quản trị kinh doanh	3/2021	01/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (23/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		543.	Quan hệ Công chúng	3/2021			Cập nhật 31/3/2021
		544.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	5/2022	3/2023 (VU-CEA)		Cập nhật 31/3/2023
		545.	Tài chính - Ngân hàng (trình độ thạc sĩ)	5/2022	3/2023 (VU-CEA)		Cập nhật 31/3/2023
		546.	Kiến trúc (trình độ thạc sĩ)	5/2022	3/2023 (VU-CEA)		Cập nhật 31/3/2023
		547.	Quản lý xây dựng	8/2023			Cập nhật 31/8/2023
		548.	Luật kinh tế	8/2023			Cập nhật 31/8/2023
		549.	Đông phương học	8/2023			Cập nhật 31/8/2023

		550.	Văn học	8/2023			Cập nhật 31/8/2023
		551.	Tâm lý học	8/2023			Cập nhật 31/8/2023
		552.	Thanh nhạc	8/2023			Cập nhật 31/8/2023
		553.	Kỹ thuật phần mềm	8/2023			Cập nhật 31/8/2023
42	Trường Đại học Phạm Văn Đồng	554.	Công nghệ Thông tin	8/2020	11/2020 (CEA-UD)	Đạt 86% (04/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		555.	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	8/2020	11/2020 (CEA-UD)	Đạt 88% (04/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
43	Trường Đại học Su phạm Kỹ thuật Hưng Yên	556.	Công nghệ thông tin	7/2020	4/2021 (VNU-CEA)	Đạt 84% (14/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		557.	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7/2020	4/2021 (VNU-CEA)	Đạt 84% (14/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		558.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7/2020	4/2021 (VNU-CEA)	Đạt 82% (14/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		559.	Công nghệ kỹ thuật điện điện tử	7/2020	4/2021 (VNU-CEA)	Đạt 84% (14/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		560.	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	8/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		561.	Công nghệ chế tạo máy	8/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		562.	Công nghệ may	8/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		563.	Kế toán	8/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		564.	Ngôn ngữ Anh	8/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023

		565.	Quản trị kinh doanh	8/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
44	Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn	566.	Khoa học máy tính	8/2020	11/2020 (CEA-UD)	Đạt 90% (04/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		567.	Ngôn ngữ Anh	8/2020	11/2020 (CEA-UD)	Đạt 90% (04/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		568.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	12/2022	3/2023 (CEA-UD)		Cập nhật 31/03/2023
45	Trường Đại học Cần Thơ	569.	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh (trình độ thạc sĩ)	8/2020	11/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (14/6/2021)	Cập nhật 30/6/2022
		570.	Sư phạm tiếng Anh	8/2020	11/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (14/6/2021)	Cập nhật 30/6/2022
		571.	Sư phạm Hóa học	10/2020	02/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (26/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		572.	Sư phạm Sinh học	10/2020	02/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (26/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		573.	Sư phạm Vật lý	10/2020	02/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (26/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		574.	Kỹ thuật Cơ khí	10/2020	02/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (26/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		575.	Sư phạm Ngữ văn	10/2020	02/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (26/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		576.	Luật	10/2021	8/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (03/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		577.	Văn học	12/2021	8/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (03/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		578.	Kỹ thuật xây dựng	9/2022	6/2023 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 30/6/2023

		579.	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	9/2022	6/2023 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 30/6/2023
		580.	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	9/2022	6/2023 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 30/6/2023
		581.	Kỹ thuật vật liệu	9/2022	6/2023 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 30/6/2023
		582.	Triết học	9/2022	6/2023 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 30/6/2023
		583.	Hóa dược	9/2022	6/2023 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 30/6/2023
		584.	Kế toán	11/2022	8/2023 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/8/2023
		585.	Quản trị kinh doanh	11/2022	8/2023 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/8/2023
		586.	Giáo dục thể chất	11/2022	8/2023 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/8/2023
		587.	Công nghệ kỹ thuật hóa học	8/2023			Cập nhật 30/8/2023
		588.	Giáo dục công dân	8/2023			Cập nhật 30/8/2023
		589.	Kỹ thuật môi trường	9/2023			Cập nhật 30/9/2023
		590.	Quản lý giáo dục (trình độ thạc sĩ)	9/2023			Cập nhật 30/9/2023
46	Trường Đại học Phan Thiết	591.	Quản trị kinh doanh	9/2020	11/2020 (VU-CEA)	Đạt 84% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		592.	Quản trị khách sạn	9/2020	11/2020 (VU-CEA)	Đạt 86% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021

		593.	Công nghệ thông tin	9/2020	11/2020 (VU-CEA)	Đạt 82% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		594.	Ngôn ngữ Anh	9/2020	11/2020 (VU-CEA)	Đạt 84% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		595.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	01/2022	3/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (31/7/2022)	Cập nhật 31/7/2022
		596.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	01/2022	3/2022 (VU-CEA)	Đạt 84% (31/7/2022)	Cập nhật 31/7/2022
		597.	Tài chính - Ngân hàng	01/2022	3/2022 (VU-CEA)	Đạt 84% (31/7/2022)	Cập nhật 31/7/2022
		598.	Luật kinh tế	01/2022	3/2022 (VU-CEA)	Đạt 80% (31/7/2022)	Cập nhật 31/7/2022
47	Trường Đại học Xây dựng Miền Tây	599.	Kỹ thuật Xây dựng	9/2020	10/2020 (CEA-UD)	Đạt 90% (04/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
48	Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh	600.	Luật	9/2020	4/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (07/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		601.	Luật Thương mại quốc tế	6/2023	8/2023 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/8/2023
		602.	Quản trị - Luật	6/2023	8/2023 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/8/2023
		603.	Quản trị kinh doanh	6/2023	8/2023 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/8/2023
		604.	Ngôn ngữ Anh chuyên ngành Anh văn pháp lý	6/2023	8/2023 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/8/2023
		605.	Luật (chất lượng cao)	6/2023	8/2023 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/8/2023
		606.	Quản trị Luật (chất lượng cao)	6/2023	8/2023 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/8/2023
		607.	Quản trị kinh doanh (chất lượng cao)	6/2023	8/2023 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/8/2023

49	Trường Đại học Xây dựng Miền Trung	608.	Kỹ thuật xây dựng	10/2020	01/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (08/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
50	Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	609.	Điều dưỡng	10/2020	01/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (14/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		610.	Dược học	10/2020	01/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 92% (14/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		611.	Răng hàm mặt	10/2020	01/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (14/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		612.	Kỹ thuật xét nghiệm y học	10/2020	01/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (14/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		613.	Y học dự phòng	10/2020			Cập nhật 30/11/2020
		614.	Y học cổ truyền	10/2020	01/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 92% (14/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		615.	Y khoa	10/2020	01/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 92% (14/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		616.	Y tế công cộng	10/2020			Cập nhật 30/11/2020
51	Trường Đại học Văn Hiến	617.	Công nghệ thông tin	11/2020	12/2020 (CEA-UD)	Đạt 90% (08/3/2021)	Cập nhật 31/3/2021
		618.	Quản trị khách sạn	11/2020	12/2020 (CEA-UD)	Đạt 90% (08/3/2021)	Cập nhật 31/3/2021
		619.	Đông phương học	4/2022	07/2022 (CEA-UD)	Đạt 86% (16/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		620.	Tâm lý học	4/2022	07/2022 (CEA-UD)	Đạt 90% (16/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		621.	Ngôn ngữ Anh	4/2022	07/2022 (CEA-UD)	Đạt 88% (16/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		622.	Ngôn ngữ Nhật	5/2023	9/2023 (CEA-UD)		Cập nhật 30/9/2023

		623.	Ngôn ngữ Trung Quốc	5/2023	9/2023 (CEA-UD)		Cập nhật 30/9/2023
		624.	Văn học (trình độ thạc sĩ)	5/2023	9/2023 (CEA-UD)		Cập nhật 30/9/2023
52	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	625.	Tài chính - Ngân hàng	11/2020	01/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (24/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		626.	Kiểm toán	11/2020	01/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (24/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		627.	Công nghệ Kỹ thuật Hóa học	11/2020	01/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (24/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		628.	Công nghệ Thông tin	01/2021	4/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (25/12/2021)	Cập nhật 31/12/2021
		629.	Ngôn ngữ Anh	01/2021	4/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (25/12/2021)	Cập nhật 31/12/2021
		630.	Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử	8/2021	11/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		631.	Công nghệ kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	8/2021	11/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		632.	Công nghệ kỹ thuật Điện tử - Viễn thông	8/2021	11/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		633.	Ngôn ngữ Trung Quốc	8/2021	01/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (23/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		634.	Quản trị kinh doanh	8/2021	01/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (23/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		635.	Hệ thống thông tin	8/2021	01/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (23/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		636.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	8/2021	11/2021 (VNU-CEA)	Đạt 90% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		637.	Công nghệ kỹ thuật Điện - Điện tử	01/2022	3/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (06/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022

		638.	Công nghệ kỹ thuật Máy tính	01/2022	3/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (06/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		639.	Quản trị nhân lực	01/2022	3/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (06/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		640.	Công nghệ dệt, may	01/2022	3/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (06/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		641.	Công nghệ kỹ thuật môi trường	3/2023	8/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/8/2023
		642.	Thiết kế thời trang	3/2023	8/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/8/2023
		643.	Kỹ thuật phần mềm	3/2023	8/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/8/2023
		644.	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	3/2023	8/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/8/2023
		645.	Quản trị khách sạn	3/2023	8/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/8/2023
		646.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	3/2023	8/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/8/2023
		647.	Kế toán	3/2023	8/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/8/2023
		648.	Ngôn ngữ Hàn Quốc	3/2023	8/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/8/2023
		649.	Marketing	3/2023	8/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/8/2023
53	Trường Đại học Hà Tĩnh	650.	Giáo dục mầm non	12/2020			Cập nhật 31/12/2020
		651.	Giáo dục chính trị	12/2020			Cập nhật 31/12/2020
		652.	Kế toán	12/2020			Cập nhật 31/12/2020

		653.	Công nghệ thông tin	12/2020			Cập nhật 31/12/2020
		654.	Ngôn ngữ Anh	12/2020			Cập nhật 31/12/2020
54	Trường Đại học Thăng Long	655.	Quản trị kinh doanh	12/2020	3/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (14/12/2021)	Cập nhật 31/12/2021
		656.	Ngôn ngữ Anh	12/2020	3/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (14/12/2021)	Cập nhật 31/12/2021
		657.	Khoa học máy tính	12/2020	3/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (14/12/2021)	Cập nhật 31/12/2021
		658.	Điều dưỡng	05/2021	7/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (14/12/2021)	Cập nhật 31/12/2021
		659.	Điều dưỡng (trình độ thạc sĩ)	05/2021	7/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (14/12/2021)	Cập nhật 31/12/2021
		660.	Kế toán	6/2022	9/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (15/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		661.	Tài chính - Ngân hàng	6/2022	9/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (15/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		662.	Quản trị dịch vụ du lịch - lữ hành	6/2022	9/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (15/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		663.	Ngôn ngữ Nhật	10/2022	11/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (06/7/2023)	Cập nhật 31/7/2023
		664.	Ngôn ngữ Trung Quốc	10/2022	11/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (06/7/2023)	Cập nhật 31/7/2023
55	Trường Đại học Phenikaa	665.	Dược học	12/2020	01/2021 (VU-CEA)	Đạt 84% (26/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		666.	Điều dưỡng	12/2020	01/2021 (VU-CEA)	Đạt 84% (26/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		667.	Ngôn ngữ Anh	12/2020	01/2021 (VU-CEA)	Đạt 82% (26/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021

		668.	Kế toán	12/2020	01/2021 (VU-CEA)	Đạt 82% (26/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		669.	Quản trị kinh doanh	12/2020	01/2021 (VU-CEA)	Đạt 82% (26/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		670.	Điều dưỡng (trình độ thạc sĩ)	7/2023	9/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 30/9/2023
		671.	Dược lý và Dược lâm sàng (trình độ thạc sĩ)	7/2023	9/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 30/9/2023
		672.	Công nghệ vật liệu	7/2023	9/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 30/9/2023
		673.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ);	7/2023	9/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 30/9/2023
56	Trường Đại học Su phạm - Đại học Đà Nẵng	674.	Công nghệ Thông tin	12/2020	01/2021 (VU-CEA)	Đạt 82% (26/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		675.	Tâm lý học	12/2020	01/2021 (VU-CEA)	Đạt 84% (26/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		676.	Công nghệ Sinh học	12/2020	01/2021 (VU-CEA)	Đạt 86% (26/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		677.	Giáo dục Chính trị	11/2021	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (24/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		678.	Giáo dục Tiểu học	11/2021	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (24/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		679.	Su phạm Lịch sử	11/2021	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (24/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		680.	Công tác xã hội	7/2022	11/2022 (VNU-CEA)	Đạt 94% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		681.	Giáo dục Mầm non	7/2022	11/2022 (VNU-CEA)	Đạt 92% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		682.	Su phạm âm nhạc	7/2022	11/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023

		683.	Sư phạm Địa lý	7/2022	11/2022 (VNU-CEA)	Đạt 94% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		684.	Công nghệ Kỹ thuật Cơ điện tử	9/2023			Cập nhật 30/9/2023
		685.	Công nghệ Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	9/2023			Cập nhật 30/9/2023
57	Học viện Ngoại giao	686.	Quan hệ Quốc tế	12/2020	01/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (08/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		687.	Kinh tế Quốc tế	12/2020	01/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (08/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		688.	Luật Quốc tế	12/2020	01/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (08/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		689.	Truyền thông Quốc tế	12/2020	01/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (08/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		690.	Ngôn ngữ Anh	12/2020	01/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (08/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
58	Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương	691.	Kỹ thuật Xét nghiệm Y học	12/2020	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		692.	Y khoa	9/2023	9/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 30/9/2023
		693.	Điều dưỡng	9/2023	9/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 30/9/2023
		694.	Kỹ thuật hình ảnh y học	9/2023	9/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 30/9/2023
		695.	Kỹ thuật phục hồi chức năng	9/2023	9/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 30/9/2023
59		696.	Giáo dục Mầm Non	01/2021	3/2021 (VU-CEA)	Đạt 86% (28/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		697.	Kế toán	01/2021	3/2021 (VU-CEA)	Đạt 84% (28/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021

		698.	Giáo dục Tiểu học	11/2022	12/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		699.	Quản trị kinh doanh	11/2022	12/2022 (VU-CEA)	Đạt 84% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
60	Trường Đại học Hồng Đức	700.	Sư phạm Tiếng Anh	3/2019	5/2018 (VNU-CEA)	Đạt 84% (14/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		701.	Giáo dục tiểu học	3/2019	5/2018 (VNU-CEA)	Đạt 84% (14/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		702.	Sư phạm Toán	01/2021	3/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (13/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		703.	Sư phạm Ngữ văn	01/2021	3/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (13/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		704.	Sư phạm Lịch sử	01/2021	3/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (13/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		705.	Quản trị kinh doanh	01/2021	3/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (13/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		706.	Sư phạm Địa lý	9/2021	11/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		707.	Công nghệ thông tin	9/2021	11/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		708.	Luật	9/2021	11/2021 (VNU-CEA)	Đạt 84% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		709.	Kế toán	9/2021	11/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		710.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	01/2022	4/2022 (VNU-CEA)	Đạt 92% (24/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
711.	Giáo dục thể chất	01/2022	4/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (24/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022		
712.	Chăn nuôi	01/2022	4/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (24/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022		

		713.	Giáo dục Mầm non	01/2022	4/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (24/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		714.	Khoa học máy tính	12/2022	4/2023 (VNU-CEA)	Đạt 88% (21/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		715.	Quản lý giáo dục	12/2022	4/2023 (VNU-CEA)	Đạt 86% (21/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		716.	Sư phạm Sinh học	12/2022	4/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (21/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		717.	Sư phạm Vật lý	12/2022	4/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (21/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		718.	Sư phạm Hóa học	12/2022	4/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (21/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		719.	Tài chính - Ngân hàng	12/2022	4/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (21/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		720.	Du lịch	12/2022	4/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (21/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
61	Trường Đại học Sao Đỏ	721.	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	01/2021	7/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (10/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022
		722.	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	01/2021	7/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (10/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022
		723.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	01/2021	7/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (10/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022
		724.	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa.	12/2021	02/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (10/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		725.	Công nghệ thông tin	12/2021	02/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (10/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		726.	Quản trị kinh doanh	12/2021	02/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (10/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
62	Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh	727.	Xã hội học	01/2021	4/2021 (CEA-UD)	Đạt 90% (22/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022

		728.	Ngôn ngữ Trung Quốc	01/2021	4/2021 (CEA-UD)	Đạt 90% (22/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022
		729.	Luật Kinh tế	01/2021	4/2021 (CEA-UD)	Đạt 90% (22/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022
		730.	Hệ thống thông tin quản lý	01/2021	4/2021 (CEA-UD)	Đạt 90% (22/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022
		731.	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	8/2022	12/2022 (CEA-UD)	Đạt 90% (15/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		732.	Công nghệ sinh học	8/2022	12/2022 (CEA-UD)	Đạt 90% (15/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		733.	Công tác xã hội	8/2022	12/2022 (CEA-UD)	Đạt 90% (15/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		734.	Đông Nam Á học	8/2022	12/2022 (CEA-UD)	Đạt 90% (15/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		735.	Luật	8/2022	12/2022 (CEA-UD)	Đạt 90% (15/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		736.	Công nghệ sinh học (trình độ thạc sĩ)	10/2022	3/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (31/7/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		737.	Khoa học máy tính (trình độ thạc sĩ)	10/2022	3/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (31/7/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		738.	Kỹ thuật xây dựng (trình độ thạc sĩ)	10/2022	3/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (31/7/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		739.	Luật kinh tế (trình độ thạc sĩ)	10/2022	3/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (31/7/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		740.	Xã hội học (trình độ thạc sĩ)	10/2022	3/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (31/7/2023)	Cập nhật 31/8/2023
63	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế	741.	Ngôn ngữ Anh	02/2021	12/2021 (CEA-UD)	Đạt 94% (16/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022

		742.	Sư phạm tiếng Anh	02/2021	12/2021 (CEA-UD)	Đạt 96% (16/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
64	Học viện Hàng không Việt Nam	743.	Quản trị kinh doanh	02/2021	01/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (26/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		744.	Công nghệ Kỹ thuật điện tử - viễn thông	02/2021	01/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (26/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		745.	Quản lý hoạt động bay	02/2021	01/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (26/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
65	Trường Đại học Tân Trào	746.	Giáo dục Mầm non	02/2021	7/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (18/12/2021)	Cập nhật 31/12/2021
		747.	Giáo dục Tiểu học	02/2021	7/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (18/12/2021)	Cập nhật 31/12/2021
		748.	Kế toán	02/2021	7/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (18/12/2021)	Cập nhật 31/12/2021
66	Trường Đại học Công đoàn	749.	Quản trị kinh doanh	3/2021	10/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (12/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		750.	Quản trị nhân lực	3/2021	10/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (12/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		751.	Xã hội học	3/2021	10/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (12/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		752.	Bảo hộ lao động	3/2021	10/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (12/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		753.	Công tác xã hội	3/2021	4/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (14/12/2021)	Cập nhật 31/12/2021
		754.	Tài chính - Ngân hàng	3/2021	4/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (14/12/2021)	Cập nhật 31/12/2021
		755.	Kế toán	3/2021	10/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (12/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		756.	Luật	3/2021	4/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (14/12/2021)	Cập nhật 31/12/2021

		757.	Quan hệ lao động	3/2021	10/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (12/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		758.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	12/2022	3/2023 (VU-CEA)	Đạt 88% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		759.	Quản trị nhân lực (trình độ thạc sĩ)	12/2022	3/2023 (VU-CEA)	Đạt 90% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		760.	Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp (trình độ thạc sĩ)	12/2022	3/2023 (VU-CEA)	Đạt 90% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		761.	Kế toán (trình độ thạc sĩ)	12/2022	3/2023 (VU-CEA)	Đạt 90% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		762.	Xã hội học (trình độ thạc sĩ)	12/2022	3/2023 (VU-CEA)	Đạt 88% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
67	Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh	763.	Y học cổ truyền	4/2021	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 100% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		764.	Răng Hàm Mặt	11/2021	5/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 98% (10/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
68	Trường Đại học Nông Lâm - Đại học Huế	765.	Khoa học cây trồng	4/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		766.	Nuôi trồng thủy sản	4/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		767.	Quản lý đất đai	4/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		768.	Phát triển nông thôn	10/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		769.	Thú y	10/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 84% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		770.	Công nghiệp thực phẩm	10/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 84% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
69	Trường Đại học Y tế công cộng	771.	Kỹ thuật xét nghiệm y học	4/2021	10/2021 (VU-CEA)	Đạt 84% (17/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022

		772.	Y tế công cộng	3/2023	6/2023 (CEA- THANGLONG)		Cập nhật 30/6/2023
		773.	Công tác xã hội	3/2023	6/2023 (CEA- THANGLONG)		Cập nhật 30/6/2023
		774.	Dinh dưỡng	3/2023	6/2023 (CEA- THANGLONG)		Cập nhật 30/6/2023
70	Trường Đại học Tiền Giang	775.	Công nghệ thông tin	4/2021	01/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (28/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		776.	Công nghệ thực phẩm	4/2021	01/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (28/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		777.	Kế toán	12/2021	12/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (10/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		778.	Quản trị Kinh doanh	12/2021	12/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (10/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		779.	Công nghệ kỹ thuật Cơ khí	12/2021	12/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (10/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		780.	Công nghệ kỹ thuật Xây dựng	12/2021	12/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (10/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		781.	Giáo dục Mầm non	01/2022	12/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 95,34% (10/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
71	Trường Đại học Luật - Đại học Huế	782.	Luật	4/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		783.	Luật Kinh tế	4/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022

72	Trường Đại học Thủ đô Hà Nội	784.	Quản lý Giáo dục	4/2021	10/2021 (VU-CEA)	Đạt 80% (20/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022
		785.	Giáo dục Tiểu học	4/2021	10/2021 (VU-CEA)	Đạt 82% (20/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022
		786.	Ngôn ngữ Trung Quốc	4/2021	10/2021 (VU-CEA)	Đạt 80% (20/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022
		787.	Giáo dục Mầm non	10/2022	12/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		788.	Giáo dục công dân	10/2022	12/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		789.	Ngôn ngữ Anh	10/2022	12/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		790.	Việt Nam học	10/2022	12/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
73	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	791.	Quan hệ quốc tế	4/2021	10/2021 (VU-CEA)	Đạt 88% (16/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022
		792.	Triết học	4/2021	10/2021 (VU-CEA)	Đạt 84% (16/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022
		793.	Xã hội học	4/2021	10/2021 (VU-CEA)	Đạt 88% (16/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022
		794.	Quan hệ công chúng	4/2021	10/2021 (VU-CEA)	Đạt 88% (16/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022
		795.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	8/2022	10/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		796.	Kinh tế chính trị	8/2022	10/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		797.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	8/2022	10/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		798.	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	8/2022	10/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023

		799.	Ngôn ngữ Anh	8/2022	10/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		800.	Quảng cáo	8/2022	10/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		801.	Xuất bản	8/2022	10/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
74	Trường Đại học Mở Hà Nội	802.	Công nghệ Sinh học	5/2021	10/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		803.	Luật kinh tế	5/2021	10/2021 (VNU-CEA)	Đạt 84% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		804.	Quản trị Kinh doanh	5/2021	10/2021 (VNU-CEA)	Đạt 82% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		805.	Công nghệ thông tin	4/2023	5/2023 (VNU-CEA)	Đạt 82% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		806.	Công nghệ thực phẩm	4/2023	5/2023 (VNU-CEA)	Đạt 88% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		807.	Công nghệ kỹ thuật Điện tử - Viễn Thông	4/2023	5/2023 (VNU-CEA)	Đạt 86% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		808.	Công nghệ kỹ thuật Điều khiển và Tự động hoá	4/2023	5/2023 (VNU-CEA)	Đạt 84% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		809.	Kế toán	4/2023	5/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		810.	Thương mại điện tử	4/2023	5/2023 (VNU-CEA)	Đạt 88% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		811.	Tài chính - Ngân hàng	4/2023	5/2023 (VNU-CEA)	Đạt 88% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		812.	Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành	4/2023	5/2023 (VNU-CEA)	Đạt 92% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		813.	Luật	4/2023	5/2023 (VNU-CEA)	Đạt 82% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023

		814.	Luật quốc tế	4/2023	5/2023 (VNU-CEA)	Đạt 84% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		815.	Kiến trúc	4/2023	5/2023 (VNU-CEA)	Đạt 84% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		816.	Ngôn ngữ Trung quốc	4/2023	5/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		817.	Ngôn ngữ Anh	4/2023	5/2023 (VNU-CEA)	Đạt 88% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
75	Trường Đại học Hàng Hải Việt Nam	818.	Công nghệ thông tin	3/2021	6/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (10/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		819.	Quản trị kinh doanh	3/2021	6/2021 (VNU-CEA)	Đạt 82% (10/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		820.	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	3/2021	6/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (10/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		821.	Kỹ thuật môi trường	3/2021	6/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (10/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		822.	Kỹ thuật cơ khí	10/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 92% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		823.	Kinh tế vận tải	10/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 92% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		824.	Kỹ thuật tàu thủy	10/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		825.	Kỹ thuật xây dựng công trình biển	10/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
76	Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP. Hồ Chí Minh	826.	Công nghệ thông tin	7/2021	02/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (07/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		827.	Ngôn ngữ Anh	7/2021	02/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (07/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022

		828.	Quản trị kinh doanh	7/2021	02/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 86% (07/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		829.	Kế toán	11/2022	4/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (17/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		830.	Kinh doanh quốc tế	11/2022	4/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 86% (17/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		831.	Luật Kinh tế	11/2022	4/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (17/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
77	Trường Đại học Y Dược Thái Bình	832.	Y tế Công cộng (trình độ thạc sĩ)	7/2021	12/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 80% (20/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		833.	Điều dưỡng	7/2021	12/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 80% (20/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		834.	Y học dự phòng (trình độ thạc sĩ)	8/2022	02/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (26/6/2023)	Cập nhật 31/7/2023
		835.	Dinh dưỡng (trình độ thạc sĩ)	8/2022	02/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 92% (26/6/2023)	Cập nhật 31/7/2023
		836.	Y học cổ truyền	8/2022	02/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (26/6/2023)	Cập nhật 31/7/2023
78	Trường Đại học Kiến trúc TP. Hồ Chí Minh	837.	Thiết kế đồ họa	8/2021	01/2022 (CEA-UD)	Đạt 90% (16/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		838.	Thiết kế công nghiệp	8/2021	01/2022 (CEA-UD)	Đạt 90% (16/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		839.	Thiết kế nội thất	8/2021	01/2022 (CEA-UD)	Đạt 92% (16/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		840.	Kỹ thuật xây dựng	8/2021	01/2022 (CEA-UD)	Đạt 92% (16/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		841.	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	8/2021	01/2022 (CEA-UD)	Đạt 92% (16/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022

		842.	Thiết kế thời trang	11/2022			Cập nhật 30/11/2022
79	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh - Đại học Thái Nguyên	843.	Kế toán	9/2021	6/2022 (CEA-UD)	Đạt 92% (06/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		844.	Kinh tế đầu tư	9/2021	6/2022 (CEA-UD)	Đạt 92% (06/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		845.	Tài chính doanh nghiệp	9/2021	6/2022 (CEA-UD)	Đạt 94% (06/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
80	Trường Đại học Tây Nguyên	846.	Công nghệ sinh học	9/2021	12/2021 (CEA-UD)	Đạt 84% (16/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		847.	Giáo dục tiểu học	9/2021	12/2021 (CEA-UD)	Đạt 90% (16/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		848.	Quản trị kinh doanh	9/2021	12/2021 (CEA-UD)	Đạt 84% (16/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		849.	Sư phạm tiếng Anh	6/2022	8/2023 (CEA- THANGLONG)		Cập nhật 31/8/2023
		850.	Y khoa	6/2022	8/2023 (CEA- THANGLONG)		Cập nhật 31/8/2023
		851.	Giáo dục Thể chất	6/2022	8/2023 (CEA- THANGLONG)		Cập nhật 31/8/2023
		852.	Sư phạm Ngữ văn	6/2022	8/2023 (CEA- THANGLONG)		Cập nhật 31/8/2023
		853.	Sư phạm Vật lý	6/2022	8/2023 (CEA- THANGLONG)		Cập nhật 31/8/2023
		854.	Sư phạm Toán học	6/2022	8/2023 (CEA- THANGLONG)		Cập nhật 31/8/2023

		855.	Sư phạm Hoá học	6/2022	8/2023 (CEA- THANGLONG)		Cập nhật 31/8/2023
		856.	Lâm sinh	6/2022	8/2023 (CEA- THANGLONG)		Cập nhật 31/8/2023
		857.	Thú y	6/2022	8/2023 (CEA- THANGLONG)		Cập nhật 31/8/2023
		858.	Giáo dục Chính trị	6/2022	8/2023 (CEA- THANGLONG)		Cập nhật 31/8/2023
		859.	Điều Dưỡng	6/2022	8/2023 (CEA- THANGLONG)		Cập nhật 31/8/2023
81	Trường Đại học Đông Á	860.	Quản trị kinh doanh	9/2021	02/2022 (VU-CEA)	Đạt 90% (06/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		861.	Ngôn ngữ Anh	9/2021	02/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (06/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		862.	Kế toán	9/2021	02/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (06/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
82	Trường Đại học Nội Vụ Hà Nội	863.	Quản lý nhà nước	10/2021	11/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (29/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		864.	Quản lý văn hóa	10/2021	11/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (29/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		865.	Lưu trữ học	10/2021	11/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (29/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
83	Trường Đại học Nông lâm Bắc Giang	866.	Khoa học cây trồng	10/2021	10/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 92% (06/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		867.	Công nghệ thực phẩm	10/2021	10/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 92% (06/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		868.	Kế toán	10/2021	12/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (23/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022

		869.	Thú y	10/2021	12/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (23/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		870.	Quản lý đất đai	10/2021	12/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (23/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
84	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2	871.	Sư phạm Toán học	4/2021	11/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		872.	Sư phạm Ngữ văn	4/2021	11/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		873.	Sư phạm Tiếng Anh	4/2021	11/2021 (VNU-CEA)	Đạt 84% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		874.	Giáo dục Mầm non	4/2021	11/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		875.	Giáo dục Tiểu học	8/2022	9/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (19/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		876.	Giáo dục công dân	8/2022	9/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (19/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		877.	Giáo dục thể chất	8/2022	9/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (19/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		878.	Sư phạm Lịch sử	8/2022	9/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (19/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		879.	Sư phạm Hóa học	9/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (09/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		880.	Sư phạm Sinh học	9/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (09/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		881.	Sư phạm Vật lí	9/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (09/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		882.	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn - Tiếng Việt	6/2023			Cập nhật 30/6/2023
		883.	Lý luận văn học	6/2023			Cập nhật 30/6/2023

		884.	Ngôn ngữ Việt Nam	6/2023			Cập nhật 30/6/2023
		885.	Văn học Việt Nam	6/2023			Cập nhật 30/6/2023
85	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	886.	Y khoa	11/2021	7/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (31/10/2022)	Cập nhật 30/11/2022
		887.	Dược sĩ	11/2021	7/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (31/10/2022)	Cập nhật 30/11/2022
		888.	Y tế công cộng (trình độ thạc sĩ)	11/2021	7/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (31/10/2022)	Cập nhật 30/11/2022
		889.	Nội khoa (Thạc sĩ)	3/2023			Cập nhật 31/3/2023
		890.	Ngoại khoa (Thạc sĩ)	3/2023			Cập nhật 31/3/2023
		891.	Y học cổ truyền	3/2023			Cập nhật 31/3/2023
		892.	Điều dưỡng	3/2023			Cập nhật 31/3/2023
		893.	Nhi khoa	3/2023			Cập nhật 31/3/2023
		894.	Răng hàm mặt	3/2023			Cập nhật 31/3/2023
		895.	Kỹ thuật xét nghiệm Y học	3/2023			Cập nhật 31/3/2023
86	Trường Đại học Đà Lạt	896.	Luật	11/2021	6/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (07/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		897.	Công tác xã hội	11/2021	6/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (07/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022

		898.	Ngôn ngữ Anh	11/2021	6/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (07/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		899.	Đông phương học	11/2021	6/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 86% (07/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		900.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	11/2021	6/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (07/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
87	Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng	901.	Dược học	11/2021	12/2021 (CEA- THANGLONG)	Đạt 88% (20/6/2022)	Cập nhật 30/6/2026
		902.	Điều dưỡng	11/2021	12/2021 (CEA- THANGLONG)	Đạt 86% (20/6/2022)	Cập nhật 30/6/2026
		903.	Kỹ thuật Xét nghiệm Y học	11/2021	12/2021 (CEA- THANGLONG)	Đạt 86% (20/6/2022)	Cập nhật 30/6/2026
		904.	Quản trị kinh doanh	11/2021	12/2021 (CEA- THANGLONG)	Đạt 86% (20/6/2022)	Cập nhật 30/6/2026
		905.	Tài chính - Ngân hàng	3/2022	6/2022 (CEA- THANGLONG)	Đạt 90% (21/11/2022)	Cập nhật 30/11/2022
		906.	Truyền thông đa phương tiện	3/2022	6/2022 (CEA- THANGLONG)	Đạt 86% (21/11/2022)	Cập nhật 30/11/2022
		907.	Ngôn ngữ Anh	3/2022	6/2022 (CEA- THANGLONG)	Đạt 86% (21/11/2022)	Cập nhật 30/11/2022
		908.	Công nghệ thông tin	01/2023	3/2023 (CEA- THANGLONG)	Đạt 88% (13/7/2023)	Cập nhật 31/7/2023
		909.	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	01/2023	3/2023 (CEA- THANGLONG)	Đạt 90% (13/7/2023)	Cập nhật 31/7/2023

		910.	Luật kinh tế	01/2023	3/2023 (CEA- THANGLONG)	Đạt 88% (13/7/2023)	Cập nhật 31/7/2023
		911.	Quan hệ quốc tế	01/2023	3/2023 (CEA- THANGLONG)	Đạt 88% (13/7/2023)	Cập nhật 31/7/2023
88	Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên	912.	Công tác xã hội	11/2021	8/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (19/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		913.	Khoa học quản lý	11/2021	8/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (19/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		914.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	11/2021	8/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (19/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		915.	Luật	11/2021	8/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (19/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
89	Trường Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An	916.	Kế toán	11/2021	5/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (28/7/2022)	Cập nhật 31/7/2022
		917.	Ngôn ngữ Anh	11/2021	5/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (28/7/2022)	Cập nhật 31/7/2022
		918.	Quản trị kinh doanh	11/2021	5/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (28/7/2022)	Cập nhật 31/7/2022
		919.	Tài chính - Ngân hàng	11/2021	5/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (28/7/2022)	Cập nhật 31/7/2022
90	Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh	920.	Công nghệ thông tin	11/2021	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (28/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		921.	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	11/2021	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (28/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		922.	Công nghệ Kỹ thuật môi trường	11/2021	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (28/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		923.	Quản lý tài nguyên và môi trường	11/2021	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (28/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		924.	Quản trị kinh doanh	8/2022	12/2022 (VU-CEA)	Đạt 90% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023

		925.	Hệ thống thông tin	8/2022	12/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		926.	Quản lý đất đai	8/2022	12/2022 (VU-CEA)	Đạt 90% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
91	Trường Đại học Sư phạm nghệ thuật Trung ương	927.	Sư phạm Âm nhạc	11/2021	4/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (20/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		928.	Sư phạm Mỹ thuật	11/2021	4/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (20/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		929.	Thiết kế đồ hoạ	11/2021	4/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (20/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		930.	Lý luận và Phương pháp dạy học Âm nhạc (trình độ thạc sĩ)	11/2021	4/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (20/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
92	Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn	931.	Quản trị kinh doanh	5/2020	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		932.	Kỹ thuật xây dựng	8/2022	12/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (07/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		933.	Công nghệ Kỹ thuật Điện - Điện tử	02/2023	8/2023 VNU-HCM CEA		Cập nhật 31/8/2023
		934.	Công nghệ Kỹ thuật Điện tử Viễn thông	02/2023	8/2023 VNU-HCM CEA		Cập nhật 31/8/2023
		935.	Công nghệ thông tin	3/2023			Cập nhật 31/3/2023
93	Học viện Ngân hàng	936.	Ngân hàng	11/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		937.	Tài chính	11/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		938.	Kế toán	11/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022

		939.	Quản trị doanh nghiệp	11/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		940.	Tài chính - Ngân hàng (chuyên ngành Ngân hàng - CTĐT chất lượng cao)	02/2023	3/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (27/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		941.	Tài chính - Ngân hàng (chuyên ngành Tài chính -CTĐT chất lượng cao)	02/2023	3/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (27/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		942.	Kế toán (CTĐT chất lượng cao)	02/2023	3/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (27/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		943.	Quản trị kinh doanh (CTĐT chất lượng cao)	02/2023	3/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (27/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
94	Trường Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh	944.	Kế toán (trình độ thạc sĩ)	12/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 94% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		945.	Kỹ thuật Điện (trình độ thạc sĩ)	12/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 96% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		946.	Hóa phân tích (trình độ thạc sĩ)	12/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 94% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		947.	Kỹ thuật Điện tử (trình độ thạc sĩ)	12/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 96% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		948.	Công nghệ Thực phẩm (trình độ thạc sĩ)	12/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 94% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		949.	Kỹ thuật Xây dựng	12/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		950.	Quản lý Tài nguyên Môi trường	12/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		951.	Luật kinh tế	12/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
95	Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội	952.	Luật	01/2022	7/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (20/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
96	Trường Đại học Hạ Long	953.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	01/2022	3/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (03/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022

		954.	Khoa học máy tính	01/2022	3/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (03/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		955.	Ngôn ngữ Anh	01/2022	3/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (03/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		956.	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	12/2022	02/2023 (VU-CEA)	Đạt 92% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		957.	Quản lý tài nguyên và môi trường	12/2022	02/2023 (VU-CEA)	Đạt 92% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		958.	Quản trị khách sạn	12/2022	02/2023 (VU-CEA)	Đạt 94% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		959.	Quản lý văn hóa	12/2022	02/2023 (VU-CEA)	Đạt 92% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		960.	Ngôn ngữ Nhật	12/2022	02/2023 (VU-CEA)	Đạt 86% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		961.	Ngôn ngữ Trung Quốc	12/2022	02/2023 (VU-CEA)	Đạt 90% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		962.	Nuôi trồng thủy sản	12/2022	02/2023 (VU-CEA)	Đạt 92% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
97	Trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng	963.	Kỹ thuật Xét nghiệm y học	01/2022	4/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (18/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		964.	Điều dưỡng đa khoa	01/2022			Cập nhật 31/01/2022
		965.	Dược học	01/2022	4/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (18/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		966.	Kỹ thuật Hình ảnh y học	07/2022	11/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (06/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		967.	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	07/2022	11/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (06/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		968.	Y khoa	07/2022	11/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (06/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023

98	Trường Đại học Lao động - Xã hội	969.	Bảo hiểm	01/2022	6/2022 (VNU-CEA)	Đạt 82% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		970.	Quản trị nhân lực	01/2022	6/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		971.	Kế toán	01/2022	6/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		972.	Công tác xã hội	01/2022	6/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		973.	Quản trị kinh doanh	01/2022	6/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		974.	Tâm lý học	8/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 80% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		975.	Kinh tế	8/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 82% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		976.	Luật Kinh tế	8/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
99	Học viện Tài chính	977.	Kế toán	01/2022	8/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (14/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
100	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - ĐHQG TP. Hồ Chí Minh	978.	Đô thị học	01/2022	5/2022 (VU-CEA)	Đạt 92% (04/11/2022)	Cập nhật 30/11/2022
		979.	Ngôn ngữ Nga	01/2022	5/2022 (VU-CEA)	Đạt 92% (04/11/2022)	Cập nhật 30/11/2022
		980.	Lưu trữ học	9/2022	11/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 96% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		981.	Hàn Quốc	9/2022	11/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		982.	Nhân học (trình độ thạc sĩ)	9/2022	11/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 94% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		983.	Văn hoá học (trình độ thạc sĩ)	9/2022	11/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 96% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023

		984.	Ngôn ngữ học	3/2023	4/2023 (VU-CEA)		Cập nhật 30/4/2023
		985.	Công tác xã hội (trình độ thạc sĩ)	3/2023			Cập nhật 31/3/2023
		986.	Khoa học thư viện (trình độ thạc sĩ)	3/2023	4/2023 (VU-CEA)		Cập nhật 30/4/2023
		987.	Văn học Việt Nam (trình độ thạc sĩ)	3/2023	4/2023 (VU-CEA)		Cập nhật 30/4/2023
		988.	Báo chí	6/2023	8/2023 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/8/2023
		989.	Quan hệ quốc tế	6/2023	8/2023 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/8/2023
		990.	Triết học	6/2023	8/2023 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/8/2023
101	Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì	991.	Công nghệ kỹ thuật Điều khiển - Tự động hóa	02/2022	5/2022 (VNU-CEA)	Đạt 82% (24/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		992.	Công nghệ kỹ thuật Cơ khí	02/2022	5/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (24/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		993.	Hóa học	02/2022	5/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (24/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		994.	Công nghệ kỹ thuật hoá học	12/2022	3/2023 (VNU-CEA)	Đạt 86% (20/6/2022)	Cập nhật 30/6/2023
		995.	Kế toán	12/2022	3/2023 (VNU-CEA)	Đạt 82% (20/6/2022)	Cập nhật 30/6/2023
		996.	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	12/2022	3/2023 (VNU-CEA)	Đạt 84% (20/6/2022)	Cập nhật 30/6/2023
102	Trường Đại học Cửu Long	997.	Công nghiệp thực phẩm	3/2022	4/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (15/7/2022)	Cập nhật 30/7/2022
		998.	Luật kinh tế	3/2022	4/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (15/7/2022)	Cập nhật 30/7/2022

		999.	Quản trị kinh doanh	3/2022	4/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 84% (15/7/2022)	Cập nhật 30/7/2022
		1000.	Kỹ thuật xét nghiệm y học	8/2022	10/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 82% (27/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1001.	Điều dưỡng	8/2022	10/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 82% (27/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1002.	Tài chính ngân hàng	8/2022	10/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 84% (27/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1003.	Công nghệ thông tin	8/2022	10/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 84% (27/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1004.	Ngôn ngữ Anh	8/2022	10/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 84% (27/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1005.	Tài chính ngân hàng (trình độ thạc sĩ)	8/2022	10/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (27/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1006.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	8/2022	10/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (27/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1007.	Công nghệ thực phẩm (trình độ thạc sĩ)	3/2023	4/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 94% (22/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		1008.	Kế toán	3/2023	4/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 90% (22/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		1009.	Văn học Việt Nam (trình độ thạc sĩ)	3/2023	4/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 90% (22/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
103	Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội	1010.	Diễn viên Kịch - Điện ảnh	3/2022			Cập nhật 31/3/2022
		1011.	Đạo diễn điện ảnh	3/2022			Cập nhật 31/3/2022
		1012.	Thiết kế mỹ thuật Sân khấu - Điện ảnh	3/2022			Cập nhật 31/3/2022
		1013.	Huấn luyện múa	12/2022			Cập nhật 31/12/2022

		1014.	Nhiếp ảnh báo chí	12/2022			Cập nhật 31/12/2022
		1015.	Diễn viên Chèo	12/2022			Cập nhật 31/12/2022
		1016.	Đạo diễn truyền hình	12/2022			Cập nhật 31/12/2022
		1017.	Âm thanh điện ảnh - truyền hình	12/2022			Cập nhật 31/12/2022
104	Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ	1018.	Công nghệ thực phẩm	11/2020	12/2020 (CEA-UD)	Đạt 92% (24/4/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		1019.	Hệ thống thông tin	4/2022	5/2023 (CEA-UD)		Cập nhật 31/5/2023
		1020.	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	4/2022	5/2023 (CEA-UD)		Cập nhật 31/5/2023
		1021.	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	4/2022	5/2023 (CEA-UD)		Cập nhật 31/5/2023
		1022.	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	4/2022	5/2023 (CEA-UD)		Cập nhật 31/5/2023
		1023.	Quản lý công nghiệp	4/2022	5/2023 (CEA-UD)		Cập nhật 31/5/2023
105	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương	1024.	Quản trị kinh doanh	4/2022	7/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (28/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		1025.	Kế toán	4/2022	7/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (28/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		1026.	Tài chính - Ngân hàng	01/2023	3/2023 (VU-CEA)		Cập nhật 31/3/2023
		1027.	Công nghệ thông tin	01/2023	3/2023 (VU-CEA)		Cập nhật 31/3/2023
		1028.	Tài chính - Ngân hàng (trình độ thạc sĩ)	8/2023			Cập nhật 31/8/2023

		1029.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	8/2023			Cập nhật 31/8/2023
106	Trường Đại học Kinh tế - Đại học Huế	1030.	Tài chính – Ngân hàng	4/2022	5/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (24/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		1031.	Kế toán	4/2022	5/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (24/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
107	Trường Đại học Điện lực	1032.	Điện tử viễn thông	4/2022	5/2022 (VNU-CEA)	Đạt 82% (26/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		1033.	Quản lý công nghiệp	4/2022	5/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (26/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		1034.	Quản trị kinh doanh	4/2022	5/2022 (VNU-CEA)	Đạt 82% (26/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		1035.	Kế toán	4/2022	5/2022 (VNU-CEA)	Đạt 80% (26/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		1036.	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	4/2022	5/2022 (VNU-CEA)	Đạt 82% (26/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		1037.	Tài chính - Ngân hàng	4/2022	5/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (26/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		1038.	Quản lý năng lượng	01/2023			Cập nhật 31/01/2023
		1039.	Logistic và quản lý chuỗi cung ứng	01/2023			Cập nhật 31/01/2023
108	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	1040.	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	5/2022	8/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (06/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1041.	Công nghệ thông tin	5/2022	8/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (06/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1042.	Kế toán	11/2022	5/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (28/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1043.	Quản trị kinh doanh	11/2022	5/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (28/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023

		1044.	Công nghệ kĩ thuật Điện – Điện tử	11/2022	5/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (28/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1045.	Marketing	11/2022	5/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (28/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
109	Trường Đại học Hải Phòng	1046.	Công nghệ thông tin	5/2022	8/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (14/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1047.	Kế toán doanh nghiệp	5/2022	8/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 82% (14/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1048.	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	5/2022	8/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (14/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
110	Trường Đại học Quảng Bình	1049.	Giáo dục Tiểu học	5/2022	12/2022 (VU-CEA)	Đạt 84% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		1050.	Công nghệ thông tin	5/2022	12/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		1051.	Ngôn ngữ Anh	5/2022	12/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		1052.	Quản trị kinh doanh	5/2022	12/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
111	Trường Đại học YERSIN Đà Lạt	1053.	Quản trị kinh doanh	6/2022	7/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (11/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		1054.	Điều dưỡng	6/2022	7/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (11/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		1055.	Công nghệ thông tin	6/2022	7/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (11/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		1056.	Công nghệ sinh học	3/2023	5/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (25/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1057.	Quan hệ công chúng.	3/2023	5/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (25/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1058.	Đông phương học	3/2023	5/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (25/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023

		1059.	Kiến trúc	3/2023	5/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (25/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1060.	Ngôn ngữ Anh.	3/2023	5/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (25/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1061.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	3/2023	5/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (25/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1062.	Dược học.	3/2023	5/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (25/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
112	Trường Đại học Văn hoá, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa	1063.	Sư phạm Mỹ thuật	6/2022	9/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1064.	Giáo dục Mầm non	6/2022	9/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1065.	Sư phạm Âm nhạc	6/2022	9/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1066.	Quản lý nhà nước	6/2022	9/2022 (VU-CEA)	Đạt 80% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1067.	Quản trị khách sạn	01/2023	8/2023 (VU-CEA)		Cập nhật 31/8/2023
		1068.	Luật	01/2023	8/2023 (VU-CEA)		Cập nhật 31/8/2023
		1069.	Ngôn ngữ Anh	01/2023	8/2023 (VU-CEA)		Cập nhật 31/8/2023
		1070.	Thanh nhạc	01/2023	8/2023 (VU-CEA)		Cập nhật 31/8/2023
113	Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải	1071.	Công nghệ kỹ thuật giao thông	6/2022	7/2023 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 31/7/2023
		1072.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	6/2022	7/2023 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 31/7/2023
		1073.	Hệ thống thông tin	6/2022			Cập nhật 30/6/2022

		1074.	Quản trị kinh doanh	6/2022	7/2023 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 31/7/2023
		1075.	Công nghệ thông tin	02/2023	7/2023 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 31/7/2023
114	Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng	1076.	Kiến trúc	6/2022	10/2022 (CEA-UD)	Đạt 86% (03/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1077.	Kỹ thuật xây dựng	6/2022	10/2022 (CEA-UD)	Đạt 84% (03/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1078.	Quản trị kinh doanh	6/2022	10/2022 (CEA-UD)	Đạt 84% (03/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1079.	Thiết kế Nội thất	12/2022	7/2023 (CEA-UD)		Cập nhật 31/7/2023
		1080.	Kế toán	12/2022	7/2023 (CEA-UD)		Cập nhật 31/7/2023
		1081.	Tài chính ngân hàng	12/2022	7/2023 (CEA-UD)		Cập nhật 31/7/2023
		1082.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	12/2022	7/2023 (CEA-UD)		Cập nhật 31/7/2023
115	Trường Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột	1083.	Y khoa	7/2022	9/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (25/11/2022)	Cập nhật 30/11/2022
		1084.	Dược học	7/2022	9/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 90% (25/11/2022)	Cập nhật 30/11/2022
116	Trường Đại học Quốc tế Miền Đông	1085.	Kỹ thuật Cơ Điện tử	7/2022	01/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (14/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		1086.	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hoá	7/2022	01/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (14/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		1087.	Kỹ thuật phần mềm	7/2022	01/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (14/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023

		1088.	Quản trị kinh doanh	10/2022	01/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (14/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		1089.	Điều dưỡng	10/2022	01/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (14/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
117	Trường Đại học Công nghệ Miền Đông	1090.	Dược học	7/2022	9/2022 (VU-CEA)	Đạt 80% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1091.	Luật kinh tế	7/2022	9/2022 (VU-CEA)	Đạt 80% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
118	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long	1092.	Công tác xã hội	7/2022	9/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 82% (25/11/2022)	Cập nhật 30/11/2022
		1093.	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	7/2022	9/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 84% (25/11/2022)	Cập nhật 30/11/2022
		1094.	Công nghệ sinh học	10/2022	12/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 84% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1095.	Công nghệ thực phẩm	10/2022	12/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1096.	Thú Y	10/2022	12/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1097.	Kỹ thuật điện (trình độ thạc sĩ)	10/2022	12/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 84% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1098.	Du lịch	5/2023	8/2023 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/8/2023
		1099.	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5/2023	8/2023 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/8/2023
		1100.	Công nghệ kỹ thuật Điện điện tử	5/2023	8/2023 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/8/2023
		119	Trường Đại học Thành Đô	1101.	Công nghệ thông tin	8/2022	8/2022 (VNU-CEA)
1102.	Ngôn ngữ Anh			8/2022	8/2022 (VNU-CEA)	Đạt 80% (15/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022

		1103.	Dược học	8/2022	8/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (15/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1104.	Quản lý kinh tế (trình độ thạc sĩ)	8/2022	8/2022 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/8/2022
		1105.	Việt Nam học	6/2023	8/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/8/2023
		1106.	Quản trị kinh doanh	6/2023	8/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/8/2023
		1107.	Quản lý kinh tế	6/2023	8/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/8/2023
120	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên- Đại học Quốc gia Hà Nội	1108.	Hóa học	8/2022	12/2022 (CEA- THANGLONG)	Đạt 98% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		1109.	Sinh học	8/2022	12/2022 (CEA- THANGLONG)	Đạt 94% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		1110.	Khoa học Môi trường	8/2022	12/2022 (CEA- THANGLONG)	Đạt 94% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
121	Trường Đại học Văn hóa TP. Hồ Chí Minh	1111.	Quản lý văn hóa	8/2022	9/2023 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 30/9/2023
		1112.	Thông tin - Thư viện	8/2022	9/2023 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 30/9/2023
		1113.	Văn hóa học	8/2022	9/2023 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 30/9/2023
122	Trường Đại học Gia Định	1114.	Quản trị kinh doanh	8/2022	10/2022 (CEA- THANGLONG)	Đạt 80% (16/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1115.	Tài chính – Ngân hàng	8/2022	10/2022 (CEA- THANGLONG)	Đạt 82% (16/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1116.	Ngôn ngữ Anh	8/2022	10/2022 (CEA- THANGLONG)	Đạt 82% (16/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023

		1117.	Kế toán	4/2023	6/2023 (CEA- THANGLONG)		Cập nhật 30/6/2023
		1118.	Luật	4/2023	6/2023 (CEA- THANGLONG)		Cập nhật 30/6/2023
		1119.	Công nghệ thông tin	4/2023	6/2023 (CEA- THANGLONG)		Cập nhật 30/6/2023
		1120.	Kỹ thuật phần mềm	4/2023	6/2023 (CEA- THANGLONG)		Cập nhật 30/6/2023
123	Trường Đại học Kiên Giang	1121.	Kỹ thuật xây dựng	8/2022	10/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (27/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1122.	Công nghệ thực phẩm	8/2022	10/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 84% (27/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1123.	Công nghệ thông tin	8/2022	10/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 84% (27/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1124.	Kế toán	8/2022	10/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (27/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1125.	Ngôn ngữ Anh	8/2022	10/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (27/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1126.	Sư phạm Toán học	4/2023	8/2023 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/8/2023
		1127.	Luật	4/2023	8/2023 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/8/2023
		1128.	Nuôi trồng thủy sản	4/2023	8/2023 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/8/2023
		1129.	Quản trị kinh doanh	4/2023	8/2023 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/8/2023
		1130.	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	4/2023	8/2023 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/8/2023

124	Trường Đại học Thái Bình	1131.	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	8/2022	4/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (28/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		1132.	Kế toán	8/2022	4/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (28/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		1133.	Kinh tế	8/2022	4/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (28/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		1134.	Quản trị kinh doanh	8/2022	4/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (28/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
125	Trường Đại học Bình Dương	1135.	Quản trị kinh doanh	9/2022	12/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 90% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1136.	Tài chính - Ngân hàng	9/2022	12/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 90% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1137.	Ngôn ngữ Anh	9/2022	12/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
126	Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp - Đại học Thái Nguyên	1138.	Kỹ thuật cơ khí	9/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1139.	Kỹ thuật Điện	9/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1140.	Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông	9/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1141.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	9/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
127	Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh	1142.	Việt Nam học	10/2022	01/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 94% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1143.	Sư phạm Sinh học	10/2022	01/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 94% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1144.	Sư phạm Lịch sử	10/2022	01/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1145.	Sư phạm Địa lý	10/2022	01/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 94% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023

128	Trường Đại học Đại Nam	1146.	Dược học	10/2022	11/2022 (VNU-CEA)	Đạt 80% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1147.	Quản trị kinh doanh	10/2022	11/2022 (VNU-CEA)	Đạt 82% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1148.	Ngôn ngữ Anh	10/2022	11/2022 (VNU-CEA)	Đạt 82% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1149.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.	10/2022	11/2022 (VNU-CEA)	Đạt 80% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
129	Trường Du lịch - Đại học Huế	1150.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	10/2022	3/2023 (VNU-CEA)	86% (21/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
130	Trường Đại học Khoa học- Đại học Huế	1151.	Công nghệ thông tin	11/2022	01/2023 CEA- THANGLONG	Đạt 84% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		1152.	Báo chí	11/2022	01/2023 CEA- THANGLONG	Đạt 84% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		1153.	Kiến trúc	11/2022	01/2023 CEA- THANGLONG	Đạt 86% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
131	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng	1154.	Ngôn ngữ Hàn quốc	11/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 94% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1155.	Ngôn ngữ Nhật bản	11/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 96% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1156.	Ngôn ngữ Trung Quốc	11/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 92% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1157.	Ngôn ngữ Pháp	11/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 94% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1158.	Ngôn ngữ Nga	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)	Đạt 92% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1159.	Sư phạm tiếng Pháp	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)	Đạt 92% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023

		1160.	Sự phạm tiếng Trung Quốc	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)	Đạt 92% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1161.	Ngôn ngữ Anh (tiếng Anh chất lượng cao)	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)	Đạt 94% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1162.	Ngôn ngữ Anh (tiếng Anh thương mại chất lượng cao)	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)	Đạt 92% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1163.	Ngôn ngữ Trung Quốc (chất lượng cao)	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)	Đạt 92% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1164.	Ngôn ngữ Nhật (chất lượng cao)	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)	Đạt 94% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1165.	Ngôn ngữ Hàn Quốc (chất lượng cao)	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)	Đạt 94% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1166.	Quốc tế học (chất lượng cao)	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)	Đạt 92% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
132	Trường Đại học Công nghệ – Đại học Quốc gia Hà Nội	1167.	Khoa học máy tính (CTĐT chất lượng cao)	11/2022	02/2023 (CEA- THANGLONG)	Đạt 90% (26/5/2023)	Cập nhật 31/5/2023
		1168.	Hệ thống thông tin	11/2022	02/2023 (CEA- THANGLONG)	Đạt 92% (26/5/2023)	Cập nhật 31/5/2023
		1169.	Công nghệ kỹ thuật Điện tử Viễn thông (CTĐT chất lượng cao)	11/2022	02/2023 (CEA- THANGLONG)	Đạt 92% (26/5/2023)	Cập nhật 31/5/2023
		1170.	Kỹ thuật Máy tính	11/2022	02/2023 (CEA- THANGLONG)	Đạt 92% (26/5/2023)	Cập nhật 31/5/2023
		1171.	Công nghệ Thông tin	8/2023			Cập nhật 31/8/2023
		1172.	Cơ kỹ thuật				Cập nhật 31/8/2023
		1173.	Kỹ thuật	8/2023			Cập nhật 31/8/2023

		1174.	Vật lý kỹ thuật	8/2023			Cập nhật 31/8/2023
		1175.	Kỹ thuật Năng lượng	8/2023			Cập nhật 31/8/2023
		1176.	Công nghệ kỹ thuật Xây dựng	8/2023			Cập nhật 31/8/2023
		1177.	Công nghệ Hàng không Vũ trụ	8/2023			Cập nhật 31/8/2023
133	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội	1178.	Ngôn ngữ Nhật	11/2022	02/2023 (VU-CEA)	Đạt 92% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		1179.	Ngôn ngữ Hàn Quốc	11/2022	02/2023 (VU-CEA)	Đạt 92% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		1180.	Ngôn ngữ Pháp	11/2022	02/2023 (VU-CEA)	Đạt 90% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		1181.	Ngôn ngữ Trung Quốc	11/2022	02/2023 (VU-CEA)	Đạt 92% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		1182.	Sư phạm tiếng Trung	8/2023			Cập nhật 31/8/2023
		1183.	Sư phạm tiếng Anh	8/2023			Cập nhật 31/8/2023
		1184.	Sư phạm tiếng Hàn	8/2023			Cập nhật 31/8/2023
		1185.	Sư phạm tiếng Nhật	8/2023			Cập nhật 31/8/2023
		1186.	Sư phạm tiếng Đức	8/2023			Cập nhật 31/8/2023
134	Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu	1187.	Logistic và Quản lý chuỗi cung ứng	12/2022	01/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1188.	Công nghệ thông tin	12/2022	01/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023

		1189.	Kế toán	12/2022	01/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1190.	Quản trị kinh doanh	12/2022	01/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1191.	Đông Phương học	12/2022	01/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1192.	Ngôn ngữ Anh	12/2022	01/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1193.	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	9/2023			Cập nhật 30/9/2023
		1194.	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	9/2023			Cập nhật 30/9/2023
		1195.	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	9/2023			Cập nhật 30/9/2023
		1196.	Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành	9/2023			Cập nhật 30/9/2023
		1197.	Quản trị khách sạn	9/2023			Cập nhật 30/9/2023
		1198.	Luật	9/2023			Cập nhật 30/9/2023
		1199.	Đông phương học (CTĐT thạc sĩ)	9/2023			Cập nhật 30/9/2023
		1200.	Quản trị kinh doanh (CTĐT thạc sĩ)	9/2023			Cập nhật 30/9/2023
		1201.	Công nghệ thông tin (CTĐT thạc sĩ)	9/2023			Cập nhật 30/9/2023
		1202.	Lý luận và Phương pháp giảng dạy bộ môn tiếng Anh (CTĐT thạc sĩ)	9/2023			Cập nhật 30/9/2023
135	Trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội	1203.	Quản lý công nghiệp	12/2022	6/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 92% (25/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023

		1204.	Công nghệ may	12/2022	6/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 92% (25/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
136	Trường Đại học Quảng Nam	1205.	Giáo dục Tiểu học	12/2022			Cập nhật 31/12/2022
		1206.	Công nghệ thông tin	12/2022			Cập nhật 31/12/2022
		1207.	Ngôn ngữ Anh	12/2022			Cập nhật 31/12/2022
137	Viện Nghiên cứu và Đào tạo Việt Anh – Đại học Đà Nẵng	1208.	Quản trị và Kinh doanh quốc tế	12/2022	4/2023 (VU-CEA)		Cập nhật 30/4/2023
		1209.	Khoa học y sinh	12/2022	4/2023 (VU-CEA)		Cập nhật 30/4/2023
		1210.	Khoa học và kỹ thuật Máy tính	12/2022	4/2023 (VU-CEA)		Cập nhật 30/4/2023
138	Trường Đại học Công nghiệp Việt - Hưng	1211.	Công nghệ kỹ thuật Ô tô	12/2022			Cập nhật 31/12/2022
		1212.	Công nghệ kỹ thuật Cơ khí	12/2022			Cập nhật 31/12/2022
		1213.	Công nghệ kỹ thuật Xây dựng	12/2022			Cập nhật 31/12/2022
		1214.	Công nghệ kỹ thuật Điện – Điện tử	12/2022			Cập nhật 31/12/2022
		1215.	Công nghệ thông tin	12/2022			Cập nhật 31/12/2022
		1216.	Tài chính ngân hàng	12/2022			Cập nhật 31/12/2022
		1217.	Quản trị kinh doanh	12/2022			Cập nhật 31/12/2022
		1218.	Kinh tế	12/2022			Cập nhật 31/12/2022

139	Trường Đại học Khánh Hòa	1219.	Sư phạm Toán học	12/2022	3/2023 (CEA-UD)		Cập nhật 31/03/2023
		1220.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	12/2022	3/2023 (CEA-UD)		Cập nhật 31/03/2023
140	Trường Đại học Hùng Vương TP. Hồ Chí Minh	1221.	Quản trị kinh doanh	01/2023	4/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (23/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		1222.	Tài chính - Ngân hàng	01/2023	4/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (23/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		1223.	Công nghệ thông tin	01/2023	4/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (23/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		1224.	Kế toán	8/2023			Cập nhật 31/8/2023
		1225.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	8/2023			Cập nhật 31/8/2023
		1226.	Quản lý bệnh viện	8/2023			Cập nhật 31/8/2023
		1227.	Ngôn ngữ Anh	8/2023			Cập nhật 31/8/2023
		1228.	Ngôn ngữ Nhật	8/2023			Cập nhật 31/8/2023
141	Trường Đại học Luật Hà Nội	1230.	Luật	01/2023	3/2023 (CEA- THANGLONG)	Đạt 92% (06/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		1231.	Luật (CTĐT chất lượng cao)	01/2023	3/2023 (CEA- THANGLONG)	Đạt 90% (06/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		1232.	Luật Kinh tế	01/2023	3/2023 (CEA- THANGLONG)	Đạt 92% (06/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023

		1233.	Luật Thương mại quốc tế	01/2023	3/2023 (CEA- THANGLONG)	Đạt 92% (06/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
142	Trường Đại học Thái Bình Dương	1234.	Du lịch	01/2023	4/2023 VU-CEA		Cập nhật 30/4/2023
		1235.	Luật	01/2023	4/2023 VU-CEA		Cập nhật 30/4/2023
		1236.	Quản trị kinh doanh	01/2023	4/2023 VU-CEA		Cập nhật 30/4/2023
143	Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam	1237.	Dược sĩ	02/2023	9/2023 VU-CEA		Cập nhật 30/9/2023
144	Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội	1238.	Kiến trúc	02/2023	8/2023 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 31/8/2023
		1239.	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	02/2023	8/2023 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 31/8/2023
		1240.	Quy hoạch vùng và đô thị	02/2023	8/2023 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 31/8/2023
		1241.	Kiến trúc (chương trình tiên tiến)	02/2023	8/2023 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 31/8/2023
		1242.	Thiết kế thời trang	4/2023			Cập nhật 30/4/2023
		1243.	Công nghệ thông tin	4/2023			Cập nhật 30/4/2023
		1244.	Thiết kế đồ họa	4/2023			Cập nhật 30/4/2023
		1245.	Kinh tế xây dựng	4/2023			Cập nhật 30/4/2023
		1246.	Điêu khắc	4/2023			Cập nhật 30/4/2023
		1247.	Thiết kế nội thất	4/2023			Cập nhật 30/4/2023

145	Trường Đại học Công nghệ và Quản lý Hữu Nghị	1248.	Luật kinh tế	02/2023			Cập nhật 28/02/2023
		1249.	Quản lý kinh tế	02/2023			Cập nhật 28/02/2023
146	Trường Đại học Trà Vinh	1250.	Bác sĩ Răng Hàm Mặt	02/2023	4/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (17/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
147	Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh	1251.	Hệ thống thông tin quản lý	02/2023	7/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (22/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1252.	Ngôn ngữ Anh	02/2023	7/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 94% (22/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1253.	Luật kinh tế	02/2023	7/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (22/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1254.	Tài chính - Ngân hàng (CTĐT chất lượng cao)	02/2023	7/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 94% (22/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1255.	Kế toán (CTĐT chất lượng cao)	02/2023	7/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 94% (22/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1256.	Quản trị kinh doanh (CTĐT chất lượng cao)	02/2023	7/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (22/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
148	Trường Đại học Kinh tế Nghệ An	1257.	Kế toán	02/2023	4/2023 (VU-CEA)		Cập nhật 30/4/2023
		1258.	Quản trị kinh doanh	02/2023	4/2023 (VU-CEA)		Cập nhật 30/4/2023
		1259.	Thú y	02/2023	4/2023 (VU-CEA)		Cập nhật 30/4/2023
149	Trường Đại học Thể dục Thể thao Đà Nẵng	1260.	Quản lý Thể dục Thể thao	4/2023			Cập nhật 30/4/2023
		1261.	Huấn luyện Thể thao	4/2023			Cập nhật 30/4/2023
		1262.	Giáo dục Thể chất	4/2023			Cập nhật 30/4/2023

150	Học viện Phụ nữ Việt Nam	1263.	Luật	4/2023	7/2023 (CEA- THANGLONG)		Cập nhật 31/7/2023
		1264.	Quản trị kinh doanh	4/2023	7/2023 (CEA- THANGLONG)		Cập nhật 31/7/2023
		1265.	Công tác xã hội	4/2023	7/2023 (CEA- THANGLONG)		Cập nhật 31/7/2023
151	Trường Đại học Đồng Nai	1266.	Sư phạm Toán	5/2023			Cập nhật 31/5/2023
		1267.	Sư phạm Ngữ văn	5/2023			Cập nhật 31/5/2023
		1268.	Ngôn ngữ Anh	5/2023			Cập nhật 31/5/2023
		1269.	Kế toán	5/2023			Cập nhật 31/5/2023
		1270.	Quản trị kinh doanh	5/2023			Cập nhật 31/5/2023
152	Trường Đại học Kinh tế - Luật ĐHQG TP. Hồ Chí Minh	1271.	Kế toán	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)	Đạt 92% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1272.	Thương mại điện tử	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1273.	Toán kinh tế	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)	Đạt 92% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1274.	Tài chính - Ngân hàng	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)	Đạt 94% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1275.	Kinh doanh quốc tế	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1276.	Quản trị kinh doanh	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)	Đạt 94% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023

		1277.	Marketing	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
153	Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn, Đại học Đà Nẵng	1278.	Quản trị kinh doanh	7/2023	8/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/8/2023
		1279.	Công nghệ thông tin	7/2023	8/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/8/2023
		1280.	Công nghệ kỹ thuật máy tính	7/2023	8/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/8/2023
154	Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	1281.	Luật kinh tế		9/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 30/9/2023
		1282.	Quản lý nhà nước		9/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 30/9/2023
155	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật - Đại học Đà Nẵng	1283.	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	9/2023			Cập nhật 30/9/2023
		1284.	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	9/2023			Cập nhật 30/9/2023

2. Chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ cao đẳng sư phạm (CĐSP)

STT	Tên cơ sở giáo dục	STT	Tên chương trình đào tạo	Thời gian hoàn thành báo cáo TDG	Được đánh giá ngoài	Được công nhận	Ghi chú
1	Trường Cao đẳng Sư phạm Đà Lạt	1.	Giáo dục Tiểu học	3/2020			Cập nhật 31/3/2020
2	Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum	2.	Giáo dục Mầm non	5/2021	12/2021 (VU-CEA)	Đạt 83,72% (05/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
3	Trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk	3.	Giáo dục Mầm non	7/2021			Cập nhật 31/7/2021
4	Trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Trị	4.	Giáo dục Mầm non	7/2021			Cập nhật 31/7/2021

5	Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương	5.	Giáo dục Mầm non	11/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
6	Trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình	6.	Giáo dục Mầm non	11/2021	3/2022 (VNU-CEA)	Đạt 81,4% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
7	Trường Cao đẳng Sư phạm Nghệ An	7.	Giáo dục Mầm non	01/2022			Cập nhật 31/01/2022
8	Trường Cao đẳng Sư phạm Điện Biên	8.	Giáo dục Mầm non	01/2022			Cập nhật 31/01/2022
9	Trường Cao đẳng Sư phạm Kiên Giang	9.	Giáo dục Mầm non	8/2022			Cập nhật 31/8/2022
10	Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương TP. Hồ Chí Minh	10.	Giáo dục Mầm non	8/2022	9/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 83,7% (25/11/2022)	Cập nhật 30/11/2022
11	Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Nha Trang	11.	Giáo dục Mầm non	11/2022			Cập nhật 30/11/2022
12	Trường Cao đẳng Vĩnh Phúc	12.	Giáo dục Mầm non	6/2023	9/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 30/9/2023
13	Trường Cao đẳng Bến Tre	13.	Giáo dục Mầm non	6/2023			Cập nhật 30/6/2023

(Danh sách có 1.297 CTĐT, trong đó 1.284 CTĐT các trình độ của GDDH và 13 CTĐT trình độ CĐSP)